

Giải Thích Nghi Mông Sơn Thí Thực

Lấy tên núi làm sách, đúng như pháp mà thí thực, nên nói là Mông sơn thí thực.

Thí là pháp đứng đầu của lục độ, và điều trước vạn hạnh, có ba nghĩa:

Một, Tư sanh thí, cũng gọi là tài thí, như áo cơm, tiền của, ruộng nhà, thuốc men v.v... để giúp cho sanh mạng. Còn đây thí dùng nước cơm cháo bánh cả cúng cụ, để giúp cho chôn mình đồ, được dứt khổ đặng vui, là tư sanh thí.

Hai, pháp thí: Lấy sự thuyết pháp, trì chú, tụng kinh, vận tâm quán tưởng, nay đây tức là tụng văn này, làm pháp quán tưởng, là pháp thí.

Ba, vô úy thí, như có người muốn làm lành mà sợ trước sợ sau, vì sợ làm không nổi, nếu ta có sức, giúp họ không sợ, khiến cho họ làm nên việc; nay vì chúng ở chôn u minh có cái sợ chịu kịch khổ nhiều kiếp dài đằng; nương nhờ công đức đây, để trừ nghiệp chướng, lia các bố úy, là vô úy thí.

Thực: Có cái công giúp ích, cái nghĩa sống còn. Kinh nói: “Tất cả chúng sanh đều do nơi ăn uống mới sống ở đặng, nếu không ăn uống, thì thân thể ốm gầy, dầu có thí tài, thí pháp nào đủ cho sanh mạng; nay nhân cực khổ của chúng sanh, mà khởi cái bi tâm, nên dùng thân chú, vật thực, mà cúng thí cho Quỷ loại, khiến đặng dứt khổ được vui.

Lại, có 4 cách ăn:

1. **Đoàn thực**, cũng kêu là đoàn thực, nghĩa là ăn bằng cách: từ miệng, hay từ phân, từ đoạn dùng 3 trần là Hương: hơi hám, Vị: mùi vị, Xúc: tiếp xúc, để làm thể. Biến đổi, tiêu hoại làm tướng. thể là cách ăn của Trời người và súc sanh... ở dục giới.

2. **Xúc thực**: lấy cái tâm sở tương ưng của 6 thức, tiếp xúc với cái cảnh vừa thích của ý, 5 căn hòa thuận, vui sướng làm cách ăn, tức là cách ăn của Quỷ thần.

3. **Tư thực**: Lấy cái “Tư tâm sở” Hữu lậu của ý thức, để chuyên tinh nghĩ nhớ (tư) chuyển thành cái cảnh thắng diệu thiên, giúp ích thân mạng của trời sắc giới, liên miên tư tưởng mãi chẳng dứt, tức là chúng ở sắc giới lấy “thiền duyệt” làm thức ăn. Lại, như ngựa trông lên cây me chua để dứt được cơn khát nước, treo bánh lên, để chung thấy mà đỡ được cơn đói bụng v.v... đó cũng là ăn bằng cách nghĩ nhớ (tư thực).

4. **Thức thực:** lấy cái thức thứ 8 nó nối nhau giữ gìn căn thân khiến chẳng rã hoại, đầy thì 4 thánh 6 phàm chung đủ, chỉ có khác với nhau là mê và ngộ. Thành nhân thì thức tánh đã giác ngộ viên mãn, vốn vẫn trong sáng, gọi là “Nhu lai tạng thức”, vì nó duy trì tất cả công đức có tánh vô lậu: phi có phi không, phi trụ, phi chẳng trụ, đầy là cái ăn bằng cách vốn có công đức chẳng khác nghĩ bàn, mà làm sanh trụ.

Phàm phu thì thức tánh còn hoàn toàn là mê, tuy đâu sanh khởi nghiệp chủng đó, gọi là Hàm tàng thức, vì rằng nó hàm tàng các hạt giống thiện ác của hữu lậu và vô lậu, nên với phi có mà vọng chấp là thực có, do đó mà luân chuyển đến vô cùng. Đây là cái ăn bằng nghiệp thức sanh diệt mà làm sanh trụ.

Song, Nhu lai tạng thức, hàm tàng thức, cái danh dầu có hai, mà cái thể vốn có một, chỉ tùy theo mê và ngộ, nên phân làm hai, thế nên cả Thánh và phàm, đồng là thức thực.

Ba cách ăn trước thuộc về sự, cách ăn sau thuộc về lý, sự thì lệch về phàm phu, lý thì trùm cả Thánh phàm; tiến tới bực nữa mà suy nghĩ, thì thánh nhân cũng đủ 4 cách ăn, phi ăn, phi chẳng ăn, thế là cách ăn bằng cách bất tư nghị viên dung diệu thực.

Lại, phải biết phép thí thực, ắt nhờ 3 vàng thể không, mới có thể giáp khắp được: 1. Hành nhân là người năng thí; 2. Quý loại là chúng năng thụ; 3. Và trung gian là vật sở thí. Với cả 3 chỗ đó, thể tánh đều chẳng khác dạng. Song khi mà thể tánh chẳng khác dạng, vẫn y nhiên rõ rõ phân minh, khi mà rõ rõ phân minh, cũng vẫn y nhiên thể tánh chẳng khác dạng, thế là pháp thì bằng cách 3 vàng chẳng nghĩ bàn. Pháp thí như thế, thì tâm nào chẳng phải pháp, pháp nào chẳng phải đồ ăn. Song cũng thực nào chẳng phải pháp, pháp nào chẳng phải tâm, tâm đã giáp khắp, thì pháp và thực giáp khắp, tất nhiên chúng sanh trong lục đạo mười phương, đâu chẳng thụ hưởng đó mà được giải thoát.

Nghi: quý tác, cũng có nghĩa là cách thức, nghĩa là: văn Mông sơn đây làm quỹ thức cho lễ Thí thực.

PHỤ CHÚ

Mông sơn: Núi, ở về tỉnh Tứ Xuyên bên Trung quốc. Tập Mông sơn thí thực nghi, tác giả là ngài Cam-Lộ Pháp sư nhóm chép, tác giả này và tác giả tập Hồng danh bảo sám, cũng là một người, mà để khác hiệu, vì tập kia đề là Bất-động Pháp sư. Còn tập

Mông sơn thí thực nghi trong bốn kinh Nhựt tụng đề Ngoại quốc Cam-Lộ thiền sư trú tích Tứ xuyên Mông sơn tập. Mà thuật giả Nhị khoá hiệp giải đã có dẫn giải rồi ở trước tập Hồng danh bửu sám rằng: “Văn Mông sơn, cũng là ngài Bất động nhóm chép”.

Hàm tàng thức: tức là A lại da thức, vì chân vọng hòa hợp nên nói là hàm tàng.

Như Lai tạng, là toàn chân tại vọng, nghĩa là chân tâm nó ở bên vọng tâm, chứ không hòa hợp, lộn xộn như A lại da thức, vì thức A lại da nó hàm tàng tất cả thiện ác chủng tử, nên nói là chân vọng hòa hợp (lộn lộn, trộn lộn)

PHÁP BỐ-THÍ CÔ 3 CÁCH

Tư sanh khí —
(tức là tài thí)

nội tài — tức tự thân, như hỷ-xả: đầu mắt tùy óc, hoặc đốt ngón tay, hoặc đốt liền hương ghi dấu trên đầu, hoặc đem tự thân ra thay thế để người dùng sức v. v. ...
ngoại tài — tức ngoài thân, về chỗ cần dùng tất cả các của cải.

Pháp thí —

nói pháp

với người có trí thức khá, ta tùy căn-cơ nói rộng giáo lý vài người trí kém, ta lường theo sức họ cho vừa nghe

lạy tụng

lạyPhậtsám-hối tụngkinh hờihưng đêphởtếquảnsanh người có trí thì lạy Phật tụngkinhvân tâm làm phápquán tạo tác các lễ cúng-đường vận dụng cái tâm quán ởng:

nghĩa là với đồ cúng 5 trần là sắc hương vị xúc pháp, biến hóa một làm ra nhiều, đang tục làm chân, như nay thí thực, quán nước cơm làm diệu vị v. v. ...

Vô úy-thí —

với người sợ nghèo thiếu, ta lấy của vật v. v. ... để giúp.
với người làm lành mà sợ đó, ta hoặc giúp: bằng thân lực, bằng tâm lực, và bằng tài vật giúp kẻ bị hãm oan mà sợ lo, ta vì giải thích, phân rành, để an ủi cho nó khỏi sợ với kẻ sợ khổ luân-hồi sanh-tử, ta khuyên vào tu học Phật-pháp, để được vui Niết-bàn với kẻ ngộ nạn mà sợ, ta vì đó tìm cách để giải cứu.

- 4 cách ăn** {
1. **Đoạn thực** — Có hình, có đoạn khá lấy, tức là mỗi món uống ăn thế-gian.
 2. **Xúc thực** — Qui-thần ăn bằng cách vừa tiếp xúc đến hơi liền no.
 3. **Tư thực** — Tu thiền-định đặc lực, lấy pháp-thiền duyệt làm vị ăn.
 4. **Thức thực** — Trời thức-xứ lấy cái thức duy trì sanh mạng; tất cả chúng-sanh đều lấy thức thứ 8 giữ nghiệp chủng làm mạng.

3 VÀNG THỂ KHÔNG

<p>1. người năng thí</p>	<p>ta tuy năng thí, quày lại xem tâm của ta trọn chẳng khá đặng</p>	<p>Chúng-sanh ở thế-gian, ra làm lành bố-thí, đều trước tướng có ta (Bản ngã) làm năng thí, chứ chẳng biết 3 ấy toàn thể vốn không, không thì vô bờ mé, nên công đức xứng tánh, cũng không biên tế. Nếu trước tướng, thì đường giữa hư-không bị vật làm ngăn ngại, thì công đức chẳng khắp được ! Như nay đây quán sát các vật nước, cơm v. v...</p>
<p>2. người năng thụ</p>	<p>người tuy năng thụ, xem cái thụ-tâm của kia cũng chẳng thể đặng</p>	
<p>3. vật trung gian</p>	<p>các vật ở thế-gian đều do nhân duyên giả dối hợp lại thành ra, rốt về tiêu diệt, vì không có cái thể chân thực.</p>	

đều không, tâm ta cũng không, nên có thể với một biến ra làm vô-lượng. Trái lại nếu chẳng đặng như thế, thì dầu có biến hóa được chẳng nữa, cũng chẳng thể rộng lớn lẫn khắp gì đặng!

NÚI MÔNG, CAM LỘ PHÁP SƯ BẤT ĐỘNG CHÉP

Cũng tức là Kim Cang Bất Động Pháp sư tác giả Hồng danh bửu sám.

Mông sơn: vị trí cách 15 dặm phía tây huyện Danh sơn, châu Nhã an, tỉnh Tứ xuyên bên Tàu. Có 5 chót một chút cao hơn hết tên rằng Thượng thanh. Trên thượng thanh phong này, sản xuất

vị Cam lộ, đời Tống, Ngài Bất Động Pháp sư ở trong đó để hành đạo, nên gọi là Cam lộ pháp sư.

Sách Lăng thực dư văn chép rằng: trên đỉnh chót núi ấy, có một hòn đá lớn bằng vài căn nhà, có 7 cây trà mọc nơi kẽ vô phùng trên hòn đá ấy, gọi là Trà Mông đánh. người ta truyền khẩu với nhau rằng: chính tay ngài Cam Lộ đã trồng 7 cây trà đó, mà 7 cây trà này sanh sản lá đọt rất tí, vì kẽ đá thiếu đất dưỡng liệu, đời nhà Minh, đem cống hiến về kinh sư mỗi năm chỉ cần chừng hơn một tiền. Còn chung quanh dưới chơn hòn đá, thì có vài chục cây trà, gọi rằng bồi trà, thì để cung phụng cho các quan viên trong phiên phủ mà thôi.

Trong bộ Quảng Hưng Ký dẫn đồ kinh rằng: Trà đây nó hấp thụ dưỡng khí được hoàn toàn nên hương vị rất thơm. Đời Đường ông Lý Đức Dũ vào đất Thực, được tặng phẩm bằng Mông trà, đem thử coi có thực hay không, là đem nước đổ vào trên thang bình (bánh lọt) chừng một giờ thang bình tan hết, là thiệt trà mông-đánh.

Lại, tại tỉnh Sơn Đông, đất Nguyễn châu, phía tây bắc huyện Phi cũng có Mông sơn, núi này dọc dài một trăm 20 dặm, có 72 ngọn, 636 động, chùa xưa hơn 70 sở, trên có cái gộp bạch vân, cũng sản xuất trà cũng gọi là Mông đánh trà.

Pháp sư Ngài nghĩ: nhẫm trước lại, tụng kinh Di Đà và Hồng danh đại sám hồi rồi, phải thí cho lục đạo để phổ lợi cho u minh, nên Ngài căn cứ trong bộ bí mật, thủy thí thực pháp, và cát kinh cứu bạt diệm khẩu nga quý, mà chép ra cái nghi văn Mông sơn đây, để khắp khuyên kẻ hậu học rộng ra cùng chúng sanh ở u minh kết làm cái vô sanh.

Nay có người nào muốn cầu phước huệ thêm thọ mạng, thì bị biện: một bát nước sạch, một bát cơm, một bát rau, và hương đèn v.v.. tùy chỗ mình ở đâu đó, tụng kinh Di Đà rồi liền kể tụng văn Mông sơn đây, tùy tụng tới đâu, thì theo nghĩa mà quán tưởng tới đó; nếu người chẳng thuần thực quán tưởng được, thì chỉ chuyên chú nơi tâm mà tụng, mỗi bài chú tụng 7 biến, hoặc tụng 2 lần 7, 3 lần 7 biến; riêng về chú biến thực, và chú cam lộ, đều tụng 7 lần 7 biến, hoặc một trăm 8 biến, tụng càng nhiều càng tinh, tụng rồi niệm Phật hồi hướng, thì cả mình dương đều được lợi ích.

Nếu người muốn rõ biết pháp môn công đức của tất cả chư Phật ở ba đời nơi mười phương thì cần phải xét soi ngay nơi

một niệm hiện tiền của tánh pháp giới, do vì 10 pháp giới (Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, Trời, Người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh) hoặc tánh hoặc tướng, hữu lậu, vô lậu, nào thiện, nào ác tất cả các pháp, đều duy nơi một niệm tâm hiện tiền của chúng nó tạo ra cả thảy.

Đó là bài kệ khai thị cái duy tâm.

Ấy là trong bộ kinh Hoa Nghiêm, về hồi thứ tư, bảy giờ Phật ở trên cung trời Dạ Ma (cõi trời thứ 3 của dục giới), có vô lượng Bồ tát đến vân tập dự hội, mỗi Bồ tát đều có thuyết kệ để tán dương Phật. Thuở ấy ngài Giác Lâm Bồ tát cũng nói kệ 10 bài, bài trên đây là bài thứ mười.

Nếu người muốn rõ biết cái pháp của chư Phật, thì cần quan sát ngay nơi cái tâm như niệm hiện tiền đó, vì tâm ấy nó khắp đủ các pháp của mười pháp giới, là cái chỗ mà Phật thường bảo rằng: Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, thực thế.

Ba đời: Đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Ba đời đều có mười phương, mười phương đều có ba đời. Ba đời mười phương, đều có vô tận thế giới, thế giới vô tận, thì chư Phật cũng vô tận, chư Phật vô tận, thì chúng sanh cũng vô tận. Song, chư Phật, chúng sanh trọn ở trong tâm như niệm của chính người sở đắc lấy, nên nói: nhất thể duy tâm tạo.

Chỗ nói pháp giới ấy, là cái tên chung của nhất tâm, mà là chỗ muôn pháp quy thú. Lại, giới nhân vì pháp của mười giới đều nhân tâm mà sở tạo ra. Như: chính người nếu khởi cái tâm ra làm mười ác năm nghịch, đó là cái nghiệp nhân tạo ra địa ngục; nếu khởi tâm tham dục si tưởng, đó là cái nghiệp nhân tạo ra ngạ quỷ; nếu dấy cái tâm thấy, yêu, sân, tham đó là cái nghiệp nhân tạo ra súc sanh; nếu móng cái tâm gì ganh hơn giận đũa, đó là cái nghiệp nhân tạo ra thần A tu la; nếu nổi lên cái tâm giữ can thường ngũ giới, đó là cái nguyên nhân tạo ra nhân đạo; nếu khát khi cái tâm giữ năm giới hành mười thiện, đó là cái nguyên nhân tạo ra thiên đạo; nếu phát khởi cái tâm: chán khổ sanh tử, ưa vào nơi vui tịch diệt, đó là cái chánh nhân tạo ra bậc thánh Thanh văn; nếu phát khởi cái tâm xét nhân duyên tánh không, đó là cái chánh nhân tạo ra thánh Duyên giác; nếu phát khởi cái tâm tu pháp lục độ để giáo hoá người, đó là cái nghiệp nhân tạo ra thánh Bồ tát. Nếu dấy cái tâm bình đẳng viên dung vô ngại, chính là cái nghiệp của Phật giới

thanh tịnh chẳng khá nghĩ bàn tánh công đức. Nay bài kệ đây chỉ cử lên nói một Phật giới, là nghĩa nó gồm thâu tất cả 9 giới kia.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Vạn pháp mà sở dĩ được sanh ra, là bởi duy tâm nó biên hiện, nhứt đến lá cỏ, gút chỉ, gạn thâu căn nguồn, đều có thể tánh”.

Lại, Tổ Thiên Thai, lấy trăm giới ngàn như, ba nghìn tánh tướng sự tạo lý đủ hai lớp ba ngàn, đều duy là cái tâm hiện tiền thoạt vậy một niệm mà thôi (có biểu đồ ở văn đại sám hối).

Sách pháp số giải thích rằng: thập ấy nghĩa nó gom cả các pháp (mười pháp giới). Giới ấy là lấy 3 để làm ranh chia, nên nói là pháp giới.

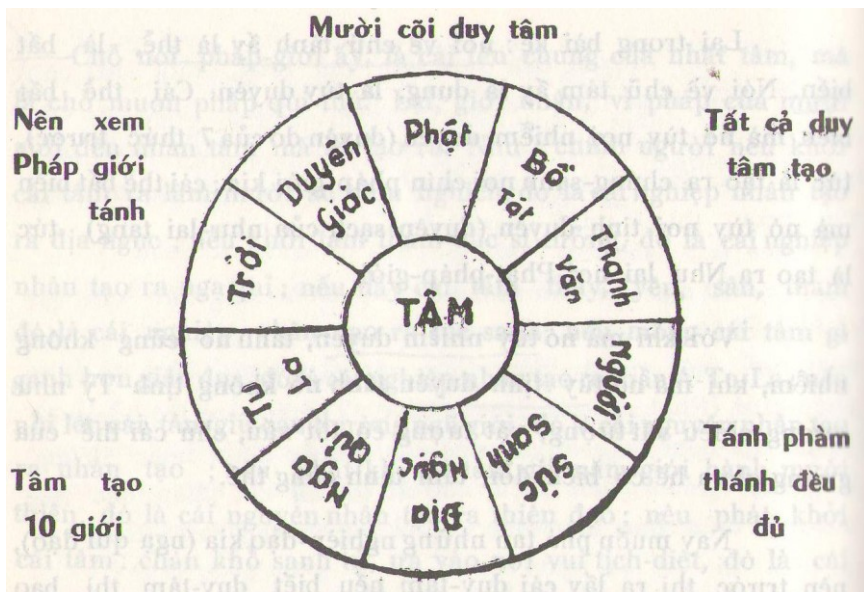
Lại trong bài kệ: nói về chữ tánh ấy là thể, là bất biến. nói về chữ tâm ấy là dụng, là tùy duyên. Cái thể bất biến mà nó tùy nơi nhiễm duyên (duyên do của 7 thức trước), tức là tạo ra chúng sanh nơi chín pháp giới kia; cái thể bất biến mà nó tùy nơi tịnh duyên (duyên sạch của Như Lai tạng) tức là tạo ra Như Lai nơi Phật pháp giới.

Với khi mà nó tùy nhiễm duyên, tánh nó cũng không nhiễm, khi mà nó tùy tịnh duyên tánh nó không tịnh. Tỷ như gương chiếu vật tượng, vật tượng có tốt xấu, chứ cái thể của gương chưa hề có biến đổi, tâm tánh cũng thế.

Nay muốn phá tan những nghiệp đạo kia (ngạ quỷ đạo), nên trước thị ra lấy cái duy tâm nêu biết duy tâm thì bao chúng nghiệp, đương thể tiêu tan mất.

Thuở xưa, tại đất Kinh-Triệu, có ông Vương Minh Cán là người vẫn tạo ác nghiệp, một hôm, nhân bệnh ngặt chết giấc tự thấy có hai người dẫn đường, thấy có một vị Tăng sĩ bảo rằng: “Đức Địa Tạng Bồ tát dạy người đọc lấy bài kệ “Nhược nhân dục liễu tri, tam thể nhứt thể Phật, ung quán pháp giới tánh, nhứt thể duy tâm tạo”. Người tụng bài kệ ấy, có thể vệt được cái khổ nơi địa ngục). Đó, rồi y vào yết kiến Diêm Vương, Vương hỏi: Ngươi có làm được công đức chi không? Y đáp: chỉ mới thụ trì được một bài kệ, kể tụng lại bài kệ trên. Tiếng vang cả địa ngục, tội nhân đều được thoát ra v.v.. ba ngày y sống tỉnh lại được y đi hỏi thăm các vị Tăng sĩ và cư sĩ, mới biết bài kệ kinh Hoa Nghiêm v.v.....

Ồi! Chỉ tụng có một bài kệ, còn đắc ứng nghiệm như thể huống là tụng toàn bộ kinh u!



Tánh là lý tánh, lý vốn tuyệt vời, nguyên không bốn thánh, 6 phàm, mê và ngộ gì cả, mà chỉ nói lý đủ mười giới phàm mà thôi. Tâm ấy là: với lý thành sự mà phân thánh phàm mê ngộ. Nên chi, hễ tâm sanh thì món món pháp sanh. Pháp tức là sự và lý. Do vì sự nó chẳng tự thành, phải đặng có lý nên mới thành được, còn lý nó chẳng tự rõ, phải do nơi sự nên mới rõ ra được.

Chính chỗ mà người xưa bảo rằng: cử nói lên pháp đều là tâm, cử lên nói tâm đều là pháp. Thế nên cả thập giới đâu chẳng duy tâm duy tánh.

Xưa có bài kệ rằng:

*Thập ban pháp giới họa thành đồ
Trực chỉ nhân tâm kiến dã vô
Tứ thánh lục phàm tùy nghiệp huyễn (ảo hoạn)
Phù vân tán tận nguyệt luân cô,*

Tạm dịch

*Mười miền pháp giới vẽ nên đồ;
Chỉ thẳng tâm người thấy biết mô?
Bốn thánh sáu phàm theo nghiệp dối
Mây mờ tan hết, nguyệt tròn phô.*

Lời chân ngôn phá địa ngục

Khi tụng thần chú đây, phải quán tưởng: tiếng đọc chú và uy quang của Phật đều giáp khắp thấu đến các địa ngục trong mười phương, địa ngục mười phương đồng thời đều phá tất cả, các tội nhân đều được dứt nghĩ khổ não.

Án già ra để da ta bà ha

Đây là vĩnh ly ác đạo

Pháp giới đã duy tâm sở tạo, thì địa ngục cũng duy tâm sở phá, chẳng đợi nói mới rõ ă. Sao thế? thưa: Do hoặc mà tạo ra nghiệp, do nơi nghiệp rồi vời lấy khổ. Hoặc: Tức là vô minh, vô minh nó không có tự tánh, nó lấy chân như làm tánh. Mà chân như thì thanh tịnh: trong trẻo vắng lặng dường như cõi hư không thế, từ đâu có hoặc? Hoặc đã chẳng sanh, nghiệp cũng phi có, thì địa ngục các khổ, theo niệm tiêu tan mất.

Chân Ngôn; tánh chân như của Phật, dù cái trí căn bản, do nơi trí căn bản nó lưu thông ra cái trí hậu đắc, do nơi trí hậu đắc nó lưu lộ ra cái tâm đại bi, từ nơi tâm đại bi nó chảy đưa ra phép thần chú bí mật. Nên phàm là thần chú đều từ nơi chân như thực tế của Phật chảy ra nên nói là chân ngôn, nghĩa là bởi chân như hiện ra chân ngôn.

Nếu người trì tụng thần chú, phải biết: mỗi câu cũng từ nơi tự tánh chân như nó lưu ra, do vì trong có cái quán trí rõ rõ, ngoài nương tiếng thần chú rành rành, trí và chú thống nhất, tức thời cảm đến hào quang của chư Phật chiếu lẫn nhau, soi suốt mười phương địa ngục và các ba giới đều chẳng giải thoát, đương thể hoá làm pháp giới thanh tịnh.

Địa ngục gồm có ba chỗ

Một, tám địa ngục nóng: là ngục căn bản ở trung ương, vì có các ngục nhỏ ở chung quanh.

Hai, tám địa ngục lạnh: cũng như trên đã dẫn.

Ba, địa ngục ngoài hiên: là những ngục ở nơi hẻo lánh trên nhân gian.

AN LẬP TÁM TƯỚNG ĐỊA NGỤC NÓNG

Châu Nam Thiệm Bộ Địa ngục Thổ Nê cao 500 do tuần
--

- Địa ngục Bạch Thiện cao 500 do tuần
1. Địa ngục Đẳng hoạt sống 500 tuổi
 2. Địa ngục Hắc thăng sống 1000 tuổi
 3. Địa ngục Chúng hiệp sống 2000 tuổi
 4. Địa ngục Hiều kiêu sống 4000 tuổi
 5. Địa ngục Đại kiêu sống 8000 tuổi
 6. Địa ngục Diêm Nhiệt sống 16.000 tuổi
 7. Địa ngục Cực nhiệt sống nửa kiếp
 8. Địa ngục Vô gián sống 1 kiếp

Từ địa ngục Đẳng hoạt đến địa ngục Cực Nhiệt là 7 địa ngục, bề cao cộng là 19.000 do tuần, mỗi cái bề rộng một vạn do tuần.

Người ta nói: địa ngục ở dưới đáy đó, tức là địa ngục vô gián ở số tám đây vậy.

Ở nhân gian người tạo thập ác ngũ nghịch hạng nặng nhưt, thì sau khi chết, liền hoá sanh ở vào địa ngục vô gián này!

Tám sở địa ngục nóng đây, chồng chất với nhau mà trụ ở dưới châu Nam thiêm bộ, hai ngục trước đều có chủ ngục trị tội; ba ngục kế đó ít có chủ ngục trị hành; ba ngục sau không cần có chủ ngục trị, vì tự nghiệp của tội nhân nó tự hành khảo lấy. Tám sở này làm căn bản nơi trung ương, mỗi sở đều có mười sáu sở du tăng vây ngoài bốn cửa thành, liên cộng với ngục căn bản thành số là một trăm ba mươi sáu ngục. Trong ngục sức lửa nóng dữ lắm như hòn đá tư vuông một trượng để vào trong ngục lửa này, tức thời đá tiêu tan. Chứ như lửa ở nhân gian, để một viên đá nhỏ, dù đốt lâu mấy, đá ấy cũng chẳng tiêu. So đó để biết lửa ở địa ngục nóng là bực nào, nên gọi là nhiệt ngục.

Tám sở địa ngục nóng, lần lượt dẫn giải ra dưới:

Một, ngục Đẳng hoạt: chúng sanh ở ngục này, mười ngón tay đều sanh ra móng tay bằng sắt, hễ có giận nhau, thì cào cào với nhau, tay vừa bầu đến đầu là móc thịt rớt ra tới đó, liền xiủ chết ngay, hoặc quỷ ngục tốt kêu bảo sống, tức thời sống trở lại, hoặc có một luồng gió lạnh thổi đến, làm cho sống lại, hai duyên có ấy tuy khác, chứ khiến cho sống lại thì cũng đồng một lẽ. Chịu hết tội ở ngục Đẳng hoạt rồi, theo thứ lớp ra chịu tội hành ở nơi mười sáu du tăng là ngục nhỏ nữa, mỗi chỗ cũng đều sống lâu năm trăm

tuổi, do lúc ở nhân gian, buông lung thân khẩu ý tạo nghiệp bất thiện mà gây nên.

Hai, ngục Hắc thăng: quý ngục tốt lấy dây sắt nóng trôi thân người tội, lưỡi búa theo đường dây mà chặt thân đứt ra trăm ngàn khúc; lại trôi lấy cưa cưa đó, hoặc lấy dây sắt nóng vặn thân riết đứt thấu xương, như thế chịu hết tội ở ngục Hắc-thăng rồi, ra theo thứ lớp chịu tội hành ở mười sáu ngục du tăng nữa. Mỗi ngục đều sống một nghìn tuổi, do lúc ở nhân gian, tạo những nghiệp nghịch với cha mẹ, Phật, và các thánh Thanh văn mà gây nên.

Ba, ngục chúng hợp: là hai hòn núi hiệp lại với nhau, để ép người tội, xương thịt nát tan, rồi hai núi đan ra hoàn về chỗ cũ, thống khổ muôn điều, như thế chịu rồi ra, với mười sáu ngục du tăng theo thứ lớp vào chịu nữa, sống ngàn tuổi do tạo ba ác nghiệp, chẳng làm ba thiện nghiệp mà gây nên.

Bốn, Hiền kiều ngục: cũng gọi là Kiều hoá, cũng gọi là hô hô. Quý ngục tội bắt người tội liệng vào trong cái vạc lớn để nấu, kêu la nhảy nhót, đau khổ muôn trạng như thế chịu rồi, lại theo thứ lớp vào mười sáu ngục du tăng chịu nữa, sống bốn ngàn tuổi, bởi ôm lòng độc sâu khuể, tạo các hạnh ác mà gây nên.

Năm ngục Đại kiều: cũng tên là ngục Đại hô, đem người tội để vào cái chảo sắt, hoặc cái vạc sắt để nấu sôi, rồi lại liệng lên trên cái tấm vỉ sắt lớn để quay ram. Như thế chịu rồi, lại ra theo thứ lớp mà vào mười sáu ngục du tăng để chịu hành tội nữa, sống tám ngàn tuổi. Bởi gây cái lưới ái tà kiến, tạo cái hạnh thấp hèn mà chiêu cảm lấy.

Sáu ngục Viêm nhiệt: cũng kêu là ngục thiên nhiên, tội nhân ở trên cái lầu bằng lửa, hoặc ở trong thành bằng sắt, hoặc ở trong cái lò gốm bằng sắt lớn, trong ngoài đều hực đỏ, da thịt bị cháy rã như thế chịu ở ngục đây ra rồi, lại còn theo thứ lớp vào mười sáu ngục du tăng để chịu tội nữa, sống một vạn sáu ngàn tuổi, do đốt sanh mạng mà gây nên.

Bảy ngục Chứng nhiệt: Cũng kêu là ngục đại thiêu nhiên, cũng gọi là cực nhiệt, thành bằng sắt lửa đốt cháy trong ngoài đều đỏ, hầm lửa, núi lửa. Ngục tội cầm cây thiết xoa đâm vào thân tội nhân đem để dựng đứng trong lửa, chịu tội rất lâu rồi lại vào nơi mười sáu ngục du tăng chịu hành tội nữa, sống nửa kiếp do bỏ quả lành làm hạnh ác gây nên.

Tám ngục Vô gián: cũng tên vô trạch, lột da vắn thân để trên xe lửa, hoặc bánh xe nghiền nát ra, hoặc để vào thành sắt toàn lửa cháy không có chỗ trống, thống khổ vạn đoạn, không chút xen nghỉ, đây tức là ngục ngũ vô gián, như thế chịu rồi tội ở ngục đây, lại theo thứ lớp phải vào mười sáu ngục du tăng để chịu hành tội thêm nữa, sống một kiếp tuổi do trước kia ở nhân gian tạo những tội ngũ nghịch thập ác mà gây nên cái kiếp bị đày đọa ở ngục vô gián này.

Từ ngục Đẳng hoạt đến ngục cực nhiệt là bảy ngục cộng bề cao là một vạn chín ngàn do tuần, bề rộng đều một muôn do tuần; riêng về ngục vô gián bề cao và bề rộng đều hai vạn do tuần.

**Tám ngục nóng, mỗi ngục đều có 4 cửa, 1 ngục
cộng là 16 địa ngục nhỏ gọi du-tăng**

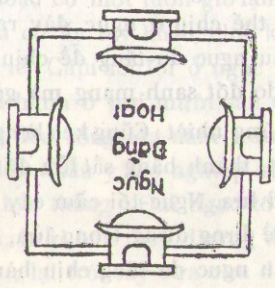
Chết đói : Vật trên sắt nóng
hoàn sắt để miếng.
Vạc đồng : Ngục-tốt bát
người đồng dầu
vạc đồng.
Nhiều vạc : Móc sắt bắt dễ
trong vạc nhiều
đồng.
Cối đá : Vật trên đá nóng
cối đá xay thân.

Nung huyết - Mủ máu sôi
vọt giồng chảy ở
trong.

Lường lửa - Cầm đầu sắt
nóng tay lường
nhóm lửa.

Sông tro - Nước tro cả nóng
gieo chim ở trong.

Hoàn sắt - Nằm hoàn sắt
nóng cả thân lửa
cháy.



Riêu búa : Vật trên sắt nóng
riêu búa chặt th
Chó sói : Có bày chó
đưa đến táp ch
Cây kiếm : Gió thổi
kiếm lá đâm th
thân.
Giả lạnh : Khô độc kêu la
mới mạng chung

Cát đen : Gió thổi cát nóng
cháy da thấu xương.
Tiểu phần : Tiểu phần hoàn
sắt bụn để trong
miếng.
Đinh sắt : Nằm trên sắt nóng
đinh sắt khắp thân.
Phòng rã : Vật trên sắt nóng
nước đồng tốt
miếng.

Luận Bà Sa nói: 8 ngục nóng, mỗi ngục đều có bốn cửa, phía ngoài đều có bốn du-tăng; tội như đao qua, kia, chịu khổ thêm vậy. Kinh Chánh Pháp niệm nói: Khô ở địa ngục vô gián, gấp ngàn lần hơn 7 địa ngục lớn trước v.v....

Đồ tướng an lập của tám sở địa-ngục lạnh

<p>1 Âm phủ đà</p> <p>Hạnh khổ quá ngặt</p> <p>Thịt sanh tế bào</p>	<p>5 Âm hầu hầu</p> <p>Cưỡng họng hơi rung</p> <p>Nên thốt tiếng ấy</p>
<p>2 Ni Lại phủ đà</p> <p>Gió lạnh thổi vào</p> <p>Toàn thân thành bảo</p>	<p>6 Uất ba la</p> <p>Màu thịt nhỏ xé</p> <p>Như hoa sen xanh</p>
<p>3 A tra tra</p> <p>Môi động chằng dằng</p> <p>Lưỡi khua tiếng ấy</p>	<p>7 Ba đầu ma</p> <p>Màu thịt xé lớn</p> <p>Như hoa sen nở</p>
<p>4 A ba ba</p> <p>Lưỡi động chằng dằng</p> <p>Môi đánh tiếng ấy</p>	<p>8 Phân đà lợi</p> <p>Người tội xương chẻ</p> <p>Như hoa sen trắng</p>

Tám ngục lạnh đây, vị trí ở dưới núi thiết vi. Tội nhân đi ở bằng cách ngửa mặt hướng lên; hai ngục trước do nơi thân tướng chịu đặt tên; ba ngục kế đó là do nơi thanh tướng mà chịu đặt tên; ba ngục sau là do nơi cái tướng ghê mà chịu đặt tên. Đều là cực kỳ lạnh rét ép ngặt!

Sống lâu nhiều như cái học của nước Kiêu tất là, lường hai mươi học hột mè, giả như có người sống lâu, cứ mỗi một trăm năm lấy bỏ ra một hột mè, cứ như thế mãi, chừng nào lấy ra hết số hột mè của hai mươi học ra, mới là hết số tuổi sống ở địa ngục án phù đà, hai mươi lần tuổi sống của án phù đà mới là làm số tuổi sống của ngục Ni lại phù đà. Cứ như thế, cả tám ngục theo thứ lớp mà tuổi sống cứ gấp bội phần tăng lên.

Ngoài tám nóng tám lạnh ra, riêng có các ngục lớn, nhỏ, danh ngạch vô lượng, đủ như trong các bộ kinh luận kể rõ.

Địa ngục ngoài biên gồm có 3 chỗ: Giữa núi, giữa nước, đồng hoang; Đều chịu khổ báo nghiệp riêng.

Trong bộ Lục Trang Thung chép: Những địa ngục cõi quạnh riêng một mình, thì ở nơi các chỗ trong châu Diêm phù đề, như là: hoặc nơi đồng hoang rộng vắng; nơi chính giữa núi rừng; nơi bờ biển; nơi trong đình miếu v.v.. có cả đến tám vạn bốn nghìn toà, khổ báo dần dần nhẹ ít. Các địa ngục nhỏ đây, phải chịu xen lộn vừa hàn vừa nhiệt, sự chịu khổ: có kẻ nhiều, có kẻ ít; với tuổi sống: có kẻ dài có kẻ vắn.

Các ngục ở bên biển, như các sở mà ông Tăng Hộ đã đi đến thấy đó; các ngục ở giữa núi, như là: Thái sơn, phong đô, lại như các sở mà ông Úc Nhĩ đã đi đến nói thấy đó v.v...

Lời chân ngôn phổ triệu thỉnh

Khi tụng thân chú đây, quán tưởng cả mười phương, ba đồ, sáu đạo tất cả chúng sanh, vâng uy quang của Phật, trong nhứt thời này đồng đến nơi đạo tràng đây, để rồi thụ thí thực.

Nam mô bộ bộ đế lý già rị đa lý đác đa nga đa da.

Phổ: Khắp trước, đã phá các địa ngục và các nghiệp đạo buộc ngăn, thì nghiệp đạo của địa ngục đương chỗ giải thoát, e hành nhân là người làm việc thí thực, tâm quán tưởng chẳng được tinh thành, không thể khiến cho chúng sanh kia ứng theo lời vời mà đến, nên lại tuyên lời thần chú để khắp với chúng sanh tội khổ trong pháp giới, tìm theo ánh hào quang liền đến đạo tràng.

Hỏi: Mười phương ba đồ xa cách vô cùng, làm sao có thể khiến cho chúng ứng theo lời vời liền đến?

Đáp: Tự tâm tha tâm, vẫn không xa gần, nhân vì mê nên có cách, nay nương sức gia trì thần chú, cảm sức uy quang của Phật, khắp khiến mười phương đều thành cảnh thắng diệu, không còn

cái tướng viển cận, nên khiến một lời triệu thỉnh liền đến đặng ngay.

Lời chân ngôn giải oan kiết

Khi tụng thân chú đây, quán tưởng chúng sanh trong sáu đường, đều vâng chú lực và Phật lực, khiến cho điều oan kiết từ vô thủy, đều được nhứt thời thanh tịnh.

Án, tam đà ra già đà ta bà ha.

Từ vô thủy lại nay, quấy sanh cái lòng phân biệt nhân và ngã: kêu bằng ta làm chủ, còn người là đối phương với ta, mà rộng ra kết dây oan thù; nay e mỗi mỗi chúng kia lấy mạnh lướt yếu rồi gây chướng nạn nữa: hoặc chợt hiện ra các điều chướng, hoặc rốt rồi sanh tâm bất bình, hoặc nhận thấy nhau mà dấy điều nhiệt nã, nay nương cái công gia trì thần chú, khiến cho mỗi mỗi chúng kia từ vô thủy oan kiết chỉ trong nhứt thời này được giải thích, kính ái lẫn nhau, đồng đến nơi pháp hội bình đẳng.

Phụng thỉnh Tam Bảo.

Xét bốn kinh Diệm Khâu: nửa phần trước đều là về sự kết lập đàn tràng, phụng thỉnh Phật thánh, bày ra các món cúng dường; nửa phần sau là vào Quan âm định rồi, sau mới phá địa ngục, và triệu thỉnh các đấng u hồn trong lục đạo. Nay văn thí thực đây lại trước thì phá địa ngục, sau mới triệu đó, là do ban sơ tụng một bài kệ Duy tâm chỉ thị ra chỗ phá ngục, tức là đạo tràng rồi.

Khi tụng thân chú này, phải tưởng tất cả Quý thần đều nhứt tâm trường quỳ chấp tay, rập tiếng xung dương hiệu Phật:

Nam mô Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm kinh

Đó là đề mục của bộ kinh Hoa Nghiêm, tức là ngôi nhứt thể Tam bảo: Đại phương quảng là Pháp bảo; Phật là Phật bảo; Hoa nghiêm là Tăng bảo.

Đại, tội cõi hư không còn có thể đo được, chứ với cái thể của đại đây không sao đo được, vì nó không có biên bờ. Phương thì với tội biển khơi còn có thể uống được, chứ với cái pháp của phương đây không thể uống hết được, vì pháp môn nó vô tận; Quảng thì nghiền nát các cõi Phật nhiều bằng số vi trần ra bụi, với bụi ấy còn có thể đếm được, chứ với cái Dụng của Quảng đây không thể đếm được, vì Dụng nó không thể lường; Phật thì lia năng giác, sở giác, muôn pháp sáng suốt; Hoa, thì bát ngát phơi ra muôn hạnh, tươi rỡ các đức; Nghiêm thì tròn đức hạnh nay, để trau

giồi mười thân kia; kinh thì xỏ râu từ chữ từ câu để thành ý nghĩa vi diệu.

Do thế, cử lên nói đề mục liền đã gồm hết toàn kinh số là kinh đây, là Phật ngài hiện ra Viên mãn Báo thân phóng hào quang để gia bị cho các vị Đại Bồ tát, mà các vị Đại Bồ tát đều vâng uy lực nói ra cái tâm viên mãn pháp giới, kiêm nói cái nét hạnh của lịch kiếp.

Nếu có vẻ thấy người nghe lay tụng kinh này, đừng ích vô lượng.

Tổ Thiên Thai Đại sư nói: chỉ nghe nội cái đầu đề kinh này đã được công đức vô lượng.

Tổ Thanh Lương làm lời tựa, có câu rằng: Thấy nghe làm giống tám nạn siêu lên bực thập địa, là đây gọi thể chẳng.

Nam mô thường trú thập phương Phật

Nam mô thường trú thập phương Pháp

Nam mô thường trú thập phương Tăng.

Từ đây sắp xuống là biệt tướng Tam bảo.

Ba đời chẳng đổi, muôn kiếp vẫn còn là thường: pháp thân khắp giáp, lóng đứng chẳng động là Trú. Tam Bảo đều là thường trú chẳng diệt, lẫn khắp mười phương. Như thể, Biệt tướng, có biểu đồ ở văn sám hồi.

Nhứt thể: Là nhứt thể Tam bảo, cũng gọi đồng thể Tam bảo.

Biệt tướng: Là Biệt tướng Tam bảo.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đây là đức giáo chủ ở thế giới Ta bà, làm Bốn sư của chúng sanh cả chín cõi.

Thích Ca dịch: Năng nhân, là họ, nghĩa là hay thực hành nhân đức rộng giúp ba giới. Mưu Ni, dịch: Tịch mặc, là tên Tự, nghĩa là hoặc nghiệp vắng bật lui đến lặng im.

Trước ở trong nội viện trên cung trời Đâu Suất, hiệu là Hộ Minh Bồ tát, bấy giờ, lấy cơ duyên của chúng sanh sở cảm, chuyên thân từ cung trời Đâu Suất, giáng sanh xuống nước Ca tỳ la vệ, cha là Tịnh Phạn vương, mẹ là Ma Da phu nhân: phu nhân nằm mộng thấy Bồ tát cõi bạch tượng sáu ngà, từ trên trời giáng xuống, vào nơi sườn phía hữu; về sau, thân ý thư thái, với điềm tướng ấy, đức Bà thường thấy mãi thế.

Đến giờ sắp sanh, Thánh mẫu ngự ra thượng uyển (Lum Bỳ Ni) gặt cây Vô-ưu hoa nở rộ, Thánh mẫu đưa tay hữu lên vịn cành hoa, bắt ngò Bồ tát từ nơi sườn phía hữu đản sanh (đó là sanh nở bằng cách hoá sanh: Sanh bằng cách biến hoá, nên muốn gá vào nơi sườn để biến hiện ra, còn như đức Di Lạc sau này gá nơi trán mẹ để hiện sanh, đó cũng là hoá sanh; chớ chẳng phải như thai sanh đâu mà phải do nơi cửa mình mẹ để sanh. Phải biết cõi ta-bà này có bốn cách sanh là: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, và hoá sanh), bấy giờ có chín con rồng phun nước, đùng bồng vàng tắm gội, thái tử đi tới lui qua lại mỗi hướng đều bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, thốt tiếng rằng: trên trời dưới trời chỉ có ngã tướng là độc tôn v.v...

Phụ hoàng dẫn đến lễ yết miếu Phạm thiên, tượng trời bồng đứng dậy làm lễ lạy.

Nhà vua về đền, vời nhóm quần thần để vì đặt tên cho Thái tử là Sarvasiddhārtha (Tát bà tát đạt đa, dịch: Như thế nghĩa thành tựu). Năm lên tám tuổi rộng học lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), phàm những kinh sách của thế gian bấy giờ, đâu chẳng học thuộc lòng cả.

Vua cha cưới nàng Da Du Đà La cho Thái tử làm hiền thê, với dực niệm rất thanh tịnh, do vì túc duyên nên chỉ vào bụng Phi mà tiên đoán rằng: Sau sáu năm quý phi sanh con trai (mang thai sáu năm, sanh La hầu la).

Thử ra dạo chơi bốn cửa thành, gặp các người già, người bệnh, người chết, và thần Sa môn (tu sĩ của đạo Bà la môn), thì cái tâm xuất gia càng thực giục.

Năm lên 19 tuổi, đêm 19 tháng 2 (kinh Nhân quả ghi là ngày mùng 7 tháng 2) bốn vị Thiên vương bồng chun ngựa ra cửa thành phía bắc, đến núi Đản Đặc, tạm nghỉ trong rừng, lấy gương mang bên mình ra cắt tóc, thốt lời thệ nguyện rằng: Nguyện cùng tất cả chúng sanh dứt phiền não.

Bấy giờ, vị trời Tịnh Cư hoá thân ra làm một người thợ săn, thân đắp áo cà sa, Thái tử lấy áo châu ngọc đổi cho người, Thái tử vào núi Di Lô, theo hai vị tiên nhân là A Lam, Ca Lam để học phép định bất dụng xứ được ba năm. Lại theo ông Uất đầu lam, luôn ba năm để học phép định phi phi tướng, tự biết là chẳng phải chánh pháp, bèn bỏ đi nơi khác.

Đến núi Tượng đầu, ở lẫn trong chúng Ngoại đạo, tự tu khổ hạnh, đến đời ngày chỉ ăn một hột mè một hột bắp, lấy cái công: vô tâm, vô ý, vô thụ vô hành, các vị tu sĩ Ngoại đạo đều chịu học theo; tu như thế sáu năm, tự biết sắp thành đạo, tự nói: vay đây phi giải thoát, phải ăn trước đã, sau thành Phật đạo.

Bèn đến sông Nê Liên để tắm gội, thụ lãnh bát sữa cháo của Mục nữ cúng hiến mà ăn, dần dần tướng hảo bình phục lại như xưa (tu khổ hạnh sáu năm, thân thể gầy ốm, chúng sanh nhục nhãn, khó dùng kính tin, nên trước phải ăn).

Tìm đến bên cội cây Tất bát la (cây Bồ đề cũng kêu cây da Lâm vồ), vị Thiên Đế Thích (vị Thiên chủ ở trời Đạo lợi đánh núi Tu di) hoá thân ra làm một đồng tử tên là Cát Tường tự cắt cỏ đem lót chỗ ngồi bên gốc da, là đêm mừng bảy rạng mừng tám tháng hai (nhà Châu Kiến tý - tháng 11 ta - làm tháng giêng, thì Sửu là tháng hai, - tức tháng 12 ta; nhà Hán Kiến Dần - tức tháng ba nhà Châu - làm tháng giêng, thì Sửu là tháng 12 - tức tháng hai nhà Châu, mà tháng chạp của ta ngày nay. Vay với ngày Phật thành đạo; nếu cứ niên lịch nhà Châu, thì là ngày mừng tám tháng hai của nhà Châu, tức là mừng tám tháng chạp của niên lịch nhà Hán, tức cũng tháng 12 của ta ngày nay. Lại cái thuyết: mừng bảy tháng tư đẹp Ma, mừng tám thành đạo).

Đã ngồi lên toạ cỏ rồi, phóng quang đẹp Ma xong, liền vào chánh định, đến giờ Tý (chính là đầu ngày mừng tám) chợt thấy sao Mai mọc sáng liền ngộ đạo thành Phật (ta bảo: khi đương nhập định, chưa rảnh để thấy, đến khi ra định, vô để ý mà thấy minh tinh chạm đến cơ duyên mà ngộ Phật đạo, bảy giờ 30 tuổi).

Với nơi toạ Kim Cang (trong kinh nói: bên gốc cây Lâm vồ, có cái toạ bằng chất Kim Cang, là cái Mùn của trái đất ta-bà), hiện ra cái tướng Viên mãn Báo thân, luôn hai mươi một ngày, vì bực đại căn Bồ tát mà thuyết kinh Hoa nghiêm hạng tiêu căn thấy Phật vẫn là thân một tượng sáu của tướng Tỳ kheo đó thôi.

Bảy giờ có các vị: Phạm Vương, Đế Thích và cả Chư Thiên đến thỉnh Phật chuyên pháp luân. Với ngày sau ba tuần thất, Phật ngài đến vườn Lộc giả, trước nhứt độ năm tu sĩ là bọn ông Kiều Trần Như.

Lại đến nước Ma Kiệt Đà, hoá độ ba anh em ông Ca Diếp Ba và các ông Xá Lợi, Mục Liên theo thứ lớp đều đắc độ, đồng thành đạo quả Thanh văn.

Như thế thuyết pháp hơn ba trăm hội, độ người nhiều đến vô lượng.

Ngài sống được tám mươi tuổi, mà vào cõi Niết bàn. Đó là một thời kỳ đức Như Lai ra đời giáo hoá.

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát

Khấp vận cái tâm tam duyên, nên nói là Đại bi. Quán: tức là trí của Bồ tát; Thế âm: tức là tiếng của chúng sanh ở chín cõi. Nghĩa là chúng sanh có bị khổ thì ắt thốt tiếng kêu vang nơi miệng. Lại, Bồ-Tát thưở xưa với trước kiếp lâu xa, nghe Phật Vô lượng uy đức tự tại quang minh vương Như Lai thuyết thân chú Đà la ni (biển thực chân ngôn) đem trao cho đức Thích Ca, đến nay Đức Thích Ca thành Phật, Quán Âm ngài bí mật hoá hiện ra cái thân Diện Nhiên Qui vương, để bảo A Nan thừa thỉnh nơi Phật mà nói ra thân chú đây, đặng rộng giúp cả chúng sanh ở cõi mình và cõi dương.

Lớn lao thay! Đức Quán Âm, vận lòng từ vô duyên, làm người chẳng đợi mời, từ mấy ngàn năm lại kịp qua đời sau, đều nhờ lấy đức của Ngài đó, mà pháp này chẳng bị suy sụp, cái công huân rất lớn đó, trong muôn kiếp đâu có thể tột được một phần muôn!

Tâm tam duyên: Một, Chúng sanh duyên từ bi, nghĩa là lấy một cái tâm từ bi xem: chúng sanh trong năm đạo mười phương cũng như xem: cha mẹ, anh em, chị em con cháu duyên đó mà thường nhớ cái tâm cho vui bớt khổ, nên gọi là Chúng sanh duyên từ bi tâm... đó là phần nhiều ở nơi phàm phu hoặc người hữu học chưa dứt phiền não mà khởi duyên này. Hai, Pháp duyên từ bi tâm... và ba, Vô duyên từ bi tâm... thấy ở: Trí độ luận cuốn hai mươi, Phật Trí luận cuốn năm, và kinh Niết bàn.

Nam mô Minh Vương cứu khổ Địa tạng vương Bồ tát.

Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh thuộc về cõi U minh; Trời, Người, Thần A Tu la thuộc về cõi Dương gian, nên gọi là Minh vương.

Đức Địa Tạng nguyện rằng: “độ hết chúng sanh mới chứng Bồ đề (gồm cả Minh-dương), địa ngục chưa không thể chẳng thành Phật” Chỉ nói cõi Minh - Nên nói là “Minh Dương cứu khổ”.

Địa: đất, hay sanh vạn vật; Tạng: kho, khá chứa các báu; Vương: vua, đủ nghĩa tự tại. Là nói: Bồ tát dùng cái tâm địa bát tư

ngộ hạnh nguyện để trùm chứa cái công đức hằng sa trí tuệ, mà đắc cái diệu dụng tự tại. Do thế, đức Địa Tạng Ngài từ trong vô lượng kiếp, giáo hoá vô lượng đệ tử đã thành Phật, mà Ngài vẫn còn ở cái địa vị Bồ tát, sở dĩ chưa nguyện thành Phật đó, chớ đâu phải chẳng nguyện thành Phật ư.

Chỉ bởi với chúng sanh độ hết, thì nguyện của ngài mới hết, mà đấng này độ chúng sanh chưa hết, nên nguyện của Địa Tạng chưa hết, nguyện của ngài chưa hết, thì cái tâm độ người của Địa Tạng đâu có giờ nào hết được ru!? Nên với hạnh nguyện của Địa Tạng, trọn không có Bồ tát nào mà có thể hơn được.

Lại, kinh Địa Tạng nói: Đức Thế Tôn vỗ lên cườm tay vàng vò trên đầu Địa Tạng mà nói lời này: Địa Tạng! Địa Tạng! thần lực của ông chẳng khá nghĩ bàn; tâm từ bi của ông chẳng khá nghĩ bàn; trí huệ của ông chẳng khá nghĩ bàn; biện tài của ông chẳng khá nghĩ bàn! đối với việc chẳng khá nghĩ bàn của ông, dầu mười phương chư Phật khen ngợi rao nói mãi ngàn muôn kiếp đi nữa cũng chẳng kể hết!

Nam mô khởi giáo A Nan Đà Tôn giả.

Ngài A Nan đã chịu lời kinh cáo của đức Diện Nhiên, đến cầu thỉnh đức Như Lai thuyết ra pháp môn đây, nên gọi rằng khởi giáo. Tiếng phạm là A Nan Đà, dịch Khánh Hỷ, sanh nhằm ngày đức Thái Tử thành Phật, nên đặt là Khánh Hỷ (nghĩa là Mừng Mừng! Vì một là được tin Thái tử thành Phật, hai là trong cung nhà Thúc báo tin sanh vương tử, chỉ trong một ngày mà hai tin ấy nên tên Mừng Mừng) A Nan đã là con Bạch Phạn vương (có chỗ nói với con Hộc Phạn Vương), tòng đệ của Phật. Sau xuất gia làm thị giả của Phật ông có cái huệ đa văn bực nhưt.

Một bữa nọ, A nan ngồi một mình trong rừng để nhập định, lúc canh ba thấy một vị Nga quý, miệng phực ra lửa ngọn, đầu tóc tủa khói, thân hình xấu ghê, hai tay hai chơn và cả lông đốt đều có tiếng trều trệu như chiếc xe hư, đói khát như lửa lẩn cháy, cằn cổ nhỏ tợ mũi nhọn, nanh và móng tay dài suốt như gươm, cực kỳ thống khổ, khó mà nở thấy!

A Nan hỏi: danh tự là chi?

Đáp: Diện Nhiên. Ông sau ba ngày sẽ đọa làm Nga quý.

A Nan hoảng kinh hỏi: có phương pháp nào được khỏi?

Nga quý đáp: qua rạng sáng ngày mai, ông dùng các thức uống ăn đem bố thí cho loài nga quý nhiều bằng số trăm ngàn ức

hằng hà sa, và cúng dường cho vô lượng Bà la môn Tiên, Diêm la làm chủ, các Minh quan nơi nghiệp đạo, cả các quý thần, các vong hồn đã chết trước từ lâu xa, mỗi mỗi bằng bảy lần bảy hột ả thực như cái hột của nước Ma Kiệt Đề dùng đó và vì chúng tôi mà cúng dâng ngôi Tam bảo, để cho chúng tôi được lia khổ địa ngục ngạ quỷ, siêng lên thiên thượng, thì ông mới thêm tuổi thọ.

A Nan kinh sợ, sớm mai yết kiến Phật, thưa lại chuyện trên.

Phật dạy: ông chớ quá ư lo sợ! Ta nghĩ nhớ lại trong quá khứ vô lượng kiếp, thuở đó ta làm người dòng Bà la môn, đối trước Ngài Quán Thế âm, ta thụ được pháp đà la ni (biến thực chân ngôn) của Phật vô lượng uy đức Tự tại Quang minh Như Lai; ta nay bảo người: nếu trì tụng thần chú đây, niệm được bảy biến có thể khiến cho một món ăn nó hoá ra làm vô lượng món ăn, đều thành mùi vị cam lộ rất ngon nhứt, liền hay đầy đủ cho trăm nghìn số cu chi, Na do tha, hằng hà sa số, tất cả ngạ quỷ, Bà la môn, chư Tiên, dị loại Quý thần, đều mỗi mỗi đặng các thức ăn đựng đầy theo hột của nước Ma Kiệt đề, và đều đắc Thánh quả, hoặc sanh tịnh độ mà ông liền đặng thêm tuổi thọ. (Trung quốc xưa Lương Võ Đế kiến thiết đàn chay Thủy Lục và đời Đường ngài Kim Cang Trí Pháp Sư tu pháp Du già thí thực, mở ra các sự cúng dường, đều do gốc nơi đây cả.)

Ngạ quỷ, trong sách Phật, một danh loại này nó gồm thân cả thiên thần địa kỳ các vị thần minh.

Đời Đông Hán, ông Trịnh Huyền nói: Tinh khí của thánh nhân gọi là Thần, tinh khí của Hiền nhân gọi là Quỷ. Thi Tử nói: Thiên thần gọi là Linh, Địa thần gọi là Kỳ, Nhân thần gọi là Quỷ. Nay Nội điển nói là Quỷ thần đó, thần: Năng Bực, có đại lực, thì năng dời núi lấp khe, còn tiểu lực thì năng ẩn hiển biến hoá. Quỷ sợ. Luống khiếp nhiều sợ! Lại, Quỷ: Uy. Hay khiến sợ uy. Chỗ ở có chánh trụ biên trụ. Quả báo thì có: hữu uy đức, vô uy đức. Chủng loại nhiều vô lượng, quả báo cũng đều khác nhau. Sách Chánh lý luận, nói có ba phẩm chín loại, kinh chánh pháp niệm nói có ba mươi sáu chủng loại; thí thực nghi lời chú nói có mười sáu bộ quỷ vương; Kinh đại kiết nghĩa chú, nói có bốn vị Thiên Vương thống lãnh tám bộ quỷ thần v.v...

Quỷ đạo hai loại phân ở hai chỗ:

1. Chánh Trụ: dưới châu Nam diêm phù đề, cách chừng năm trăm dặm có thành Diêm La chu vi là bảy vạn năm trăm ngàn

dặm, Diêm vương thống lãnh quỷ chúng, an trụ giữa trung ương đó; lại, tại trung gian hai núi thiết vi là chỗ mà ánh sáng của Nhật Nguyệt không chiếu tới được, trong đó có rất đông loài ngạ quỷ.

2. Biên Trụ: giữa bốn Châu, những danh sơn, đại xuyên bê cả, bên biển, hang núi, giữa chỗ trống không gò mả xưa nồng rừng, chỗ mới ở, nhà vườn cũ, nơi bình phong cầu tiêu, cả các chỗ bất tịnh; thấy đều có quỷ này ở đó.

Thứ quỷ có uy đức: ở các chỗ giữa núi, trong hang giữa chỗ trống không, bên bờ biển, đều có cung điện bằng thất bửu trang nghiêm, mỹ lệ, phi mắt nhân gian thấy được.

Thứ quỷ không có uy đức: Nương dựa nơi chỗ bất tịnh phần uế, lùm cỏ, bụi cây gò mả, bình che nhà xí, gò hoang, nương nơi vật gì đó, dựa nơi bóng chàng, dựa bóng âm u, chớ đều chẳng có nhà cửa cung điện chi cả.

Uy đức có hai hạng

1. Hữu phước hữu đức là chánh thân:

Trong bốn châu thiên hạ, những núi có danh thắng, sông lớn, như ngũ nhạc, tứ độc, thành hoàng, thổ địa v.v... đều có chỗ chấp chỗ chủ, có quốc tế, có nhân dân thờ cúng hương lửa đời đời, có phước giúp cho nước nhà dân thứ, nên gọi là chánh thân.

2. Có phước không đức là Tà thân

Các đấng Quỷ thân như: Dạ xoa, La sát, Ly, My, Vong Lượng, thứ nương dựa nơi vật gì đó, để làm sự quái my, thứ nương dựa nơi đình làng, miếu xã, để đem điều phúc, họa làm bậy kiếm ăn hưởng cúng nơi huyết thực dâm từ.

Thân lượng của Ngạ-Quỉ

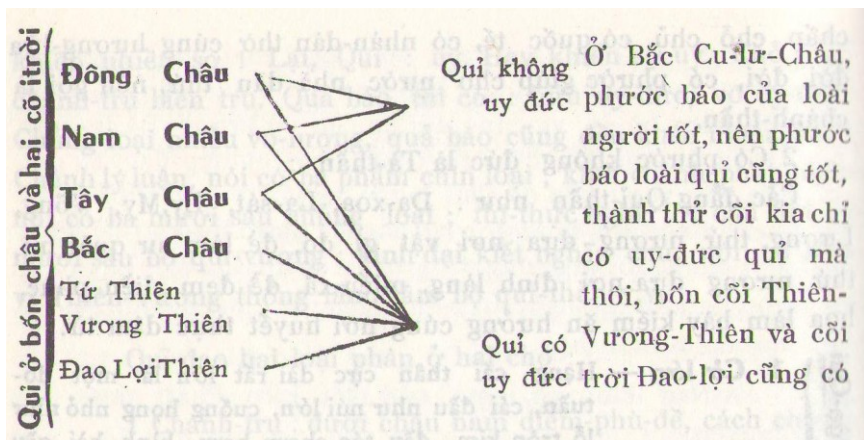
- 1 **Cở lớn** — Hạng cái thân cực dài rất lớn là một do-tuần, cái đầu như núi lớn, cuống họng nhỏ như lỗ tròn kim, đầu tóc chơm bươm, hình hài gầy ốm, chống gậy mà đi.
- 2 **Cở vừa** — Hạng mà cái thân bực trung bình, thì không như định v.v..
- 3 **Cở nhỏ** — Hạng mà cái thân tương rất nhỏ bằng đĩa bé mới vừa biết nói; hoặc có chỗ nói hình-lượng nó bằng cở trung gian giữa ba tác.

Loại Quỉ có 3 điều chướng ngại

- 1 **Nội chướng** — Cần cò như mũi kim, miệng như ngọn đuốc lửa bùng rộng lớn, dù gặp uống ăn, mà chẳng ăn đặng.
- 2 **Ngoại chướng** — Thường chịu đói khát, da thịt đen như than, đầu tóc chơm bươm, miệng khô khốc, tra le lưỡi tự liếm miệng.
- 3 **Vô chướng** — Có thứ Ngạ quỉ tên là Mãnh - Diệm mang, tùy ăn uống chi, đều bị hóa lửa đốt khát khô lớn!

— Mặt, đói khát đón giác mỗi chỗ giông chạy, đến suốt ao nào, đều bị vị quỉ-thần đại lực tay cầm dao gậy giữ chẳng cho thấy nước dù có thấy chẳng nữa, liền hóa nung huyết! Vì tâm tạo tham sân, nên

âm hiện các điều chướng ngại, thành thử loài quỷ thường thấy các cảnh: lửa lớn, bực đại lực gàn cán, dao gậy, v.v... đều là tâm nghiệp biến hiện.



Quý thần, nhưng duy có loại quý thần có uy đức mà thôi, mà phải làm kẻ hầu hạ để chầu thiên kia sai khiến v.v...

Bốn châu là: Đông thắng thần châu, Nam thiêm bộ châu, Tây ngu hoá châu, Bắc uất đôn việt; cả bốn châu đều ở ngang giữa nơi bốn phía núi Tu-di, đều có cung điện bằng thất bửu rất trang nghiêm.

Đao lợi thiên, dịch: 33 cõi trời. Ba mươi ba cõi trời này đồng ở trên đỉnh núi Tu di, thuộc trong số thứ hai của cõi trời dục giới tức hạ giới, hiệp với tứ Thiên vương Thiên, đồng gọi là Địa cư thiên, nghĩa là hai trời này chơn còn đi sát mặt đất: Thiên đế Thích làm thiên chủ ở trung ương, còn 32 trời kia ở chung quanh ngoài phiên trấn.

Qui có 3 phẩm 9 loại

Một, vô tài
qui :
chẳng đáng
uống ăn

Hai, thiếu
tài qui :
Đặng chút ít
uống ăn

Ba, đa tài
qui :
Đặng nhiều
uống ăn

1 Xú khẩu : - Miệng hôi, miệng thường rục
hôi, qua nhà xí chạm hơi thú,
hăng ọạ mửa khan, ăn uống
không xuống, đói khát cuồng
chạy, khổ lắm !

2 Cự khẩu : - Miệng lửa, miệng thường phức
lửa ngọn, toàn thân như cây
đuốc, gây nghiệp cực kỳ xan lãn,
nên vôi lấy cái khổ lớn đây.

3 Châm yết : - Họng kim, bụng lớn như hang
núi, cuống họng như lỗ tròn kim,
mặt nhỏ nước nút cũng không
xuống, đói khát khó chịu !

4 Châm mao : - Lòng Kim, lòng nơi bụng như
kim, tự đâm vào thân-thể, và
châm đến thân kẻ khác, như con
Lộc trúng tên có thuốc độc điên
chạy, lâu lâu mới gặp được đồ
bất-tình, chút được đồ đói khát.

5 Xú mao : - Lòng hôi, lông trong thân hôi
lắm, rỗng rả da xương, xông
họng muốn mửa, khốn khổ khó
chịu, cào vóc nhỏ lông, đau
rách da thực càng thêm khốn
khổ nữa ! Rất lâu mới gặp đồ
bất-tình, tạm đỡ đói khát được
chút đỉnh.

6 Đại anh : - Bướu lớn. Nơi cần cõ sanh cực
bướu lớn, nóng nực nhức nhối,
cùng nhau xoi lũng chảy mủ hôi
cùng dành lấy ăn, đồ đói chút
đỉnh.

7 Hi từ : - Trông thờ cúng, thường hưởng
vật người cúng tế, qua lại trên
hư-không, đi về không chỉ ngăn
ngại, hoặc ở nơi nhà xưa của
minh, hoặc ở nơi phần mộ,
hưởng bà con cúng quảy, đây
bị xan tham ít biết bố-thí mà
tạo nên nghiệp này.

8 Hi khí : - Thường thụ hưởng đồ : khạc
nhổ, thừa mửa, phần uế mà
nhân-gian đem đồ, và vật thực
của người bỏ, mà qui này lấy
làm phong nhiều.

9 Đại thể : - Có uy đức phước lớn, áo mũ
tốt, món ăn-thực ngon dường
như thiên-tử, cung-diện mỹ
thuật trang-nghiêm, xa mã
tương tùy v.v...

Ba mươi sáu bộ Quỷ thân

1.- Hoạch thang quỷ: Quỷ vạc nước sôi, do chịu người mướn làm việc sát sanh, nên mắc tội bị xắt nấu trong vạc nước sôi; hoặc chịu lãnh của người gởi, rồi chống cự chẳng trả, nên phải chịu quả báo đây.

2.- Châm khẩu xú quỷ: Quỷ miệng nhỏ như trôn kim, lấy tiền của mướn người làm việc giết hại, nên cuống họng nhỏ như mũi kim, dầu một nhiều nước cũng không dung nút được.

3.- Thực thổ quỷ: Quỷ ăn mửa, chồng khuyên vợ bỏ thí, vợ sến tiếc nói không, chứa của bôn rít, nên phải chịu báo thường ăn đồ khạc nhổ.

4.- Thực phẩn quỷ: Quỷ ăn phẩn, do người vợ lừa dối người chồng, để riêng tự ăn uống, vì ghét hiềm chồng, nên phải mắc quả báo thường ăn phẩn ứ.

5.- Thực hoả quỷ: Quỷ ăn lửa, do ngăn cấm lương thực của người, khiến cho người tự chết đói, nên chịu những tội khổ lửa bốc cháy, kêu gào đói khát.

6.- Thực khí quỷ: quỷ ăn hơi, chỉ tham lam tự ăn một mình các thức miếng ngon, ăn cho được nhiều, chẳng thí cho vợ con nên phải khổ thường bị đói khát, chỉ được hửi lấy hơi thôi.

7.- Thực pháp quỷ: Quỷ ăn pháp, nói pháp cho người nghe bằng cách vì tài lợi, nên phải bị khổ thường chịu đói khát, thân thịt nhốt rút hết, nhờ nghe thuyết pháp mạng được tồn tại.

8.- Âm thủy quỷ: Quỷ uống nước, do nấu rượu trong như nước để đánh lừa người ngu, còn phần mình chẳng trì trai giới, nên mắc quả thường bị khô khát.

9.- Hy vọng quỷ: Quỷ trông mong, do dành giá mua bán, dối trá lấy vật của kẻ khác, nên bị bệnh đói khát, thường trông mong bà con tế tự để dâng dự hưởng.

10.- Thực thoá quỷ: Quỷ ăn đồ khạc nhổ, đem đồ bất tịnh, gạt người xuất gia, nên thân thường đói khát, hằng bị nấu đốt, tìm đồ người khạc, và ăn những thứ bất tịnh.

11.- Thực mang quỷ: Quỷ ăn chuỗi anh lạc, do đòi trước trộm lấy cái tràng hoa anh lạc của Phật, để dùng tự chung diện; nếu có ai bị chuyện mà tục lệ buộc phải dùng tràng anh lạc bằng hoa cúng rồi đem bỏ, nhân đó mà được thụ thực.

12.- Thục quyết quý: Quý ăn máu, do sát sanh để uống huyết canh và ăn thịt, mà chẳng thí vợ con, nên chịu thân quý đây, nhờ nhân gian lấy huyết thoa tế mà được hưởng đó.

13.- Thục nhục quý: Quý ăn thịt, do lấy thịt trong thân thể chúng sanh, mỗi miếng đem cân bán mua đổi trá, nhân đó mà chịu cái báo đây, nhiều lần đổi trá xấu hèn, nên ai thấy cũng ghét gớm đó, thịt lợn xộn tế tự, mới được ăn đó.

14.- Thục hương quý: Quý ăn nhang. Bởi bán nhang xấu mà lấy giá mắc nên nay chịu báo chỉ ăn khói hương, sau bữa chịu báo bản cùng.

15.- Tật hành quý: Quý đi nhanh. Nhà sư phá giới mà mặc ca sa, lừa gạt lấy của hừa giúp bệnh nhân rồi chẳng giúp cho, để của xài tiêu nên chịu báo đây, thường ăn đồ bất tịnh và tự đốt cháy mình.

16.- Tứ tiện quý: Quý dòm rình đại tiện tiện, do lập mưu gạt lấy của, chẳng tu phúc đức, bởi thế chịu báo đây, mỗi lông trong mình ra lửa, ăn khí lực bất tịnh của người, để tự sống

17.- Hắc ám quý: Quý tối đen, bởi đem điều làm oan uổng người để mưu cầu lấy tiền bạc, mà giam buộc người trong ngục tối, mắt chẳng trông thấy chi cả, thường cất tiếng đau thương, nên phải đọa chỗ hắc ám, có rắn dữ nhả dây, đau dường dao cắt.

18.- Đại lực quý: Quý sức lớn, do cướp trộm vật của người, đem cho bạn dữ, chớ chẳng cho bằng cách làm phúc điền, nhân thụ báo đây, dù có đại lực thần thông, mà bị nhiều khổ não.

19.- Xí Nhiên quý: Quý phừng cháy, do phá thành cướp giật, giết hại bá tánh, nên chịu báo đây, than khóc kêu gào, khắp thân lửa cháy, sau được làm người thường bị cướp giật.

20.- Tử anh nhi tiện quý: Quý rình con nít ỉa, do giết con nít, sanh tâm đại nộ, nên thụ báo đây, thường dòm người đại tiện, ưa hại những đứa bé.

21.- Dục sắc quý: Quý dâm dục, do ưa ham hành dục, được của cải chẳng biết bỏ thí làm phúc điền, nên thụ báo đây, thường dạo nhân gian, cùng người giao hội, quấy làm yêu quái, hù nhác những người ngu dốt, để cầu sự cúng cho ăn được sống.

22.- Hải chữ quý: Quý còn biển, do kiếp trước đi ngoài đồng rộng, thấy người bệnh khổ đói gạt lấy tài vật của người nên nay sanh ở trong còn biển, chịu khổ lạnh nóng, thập bội hơn người.

23.- Diêm la vương chấp trượng quý: Quý cầm gậy cho vua Diêm La, do thuở đời trước, làm đại thần thân cận quốc vương,

chuyên hành bạo ác, nên chịu báo đày, làm quỷ cầm gậy để hầu Diêm La vương sai khiến.

24.- Thực tiểu nhi quỷ: Quỷ ăn con nít, do luyện thân chú phép thuật, để lấy tài vật của người, giết hại heo dê gà vịt, chết đọa địa ngục, sau chịu báo đày, thường ăn tiểu nhi.

25.- Thực nhân tính khí quỷ: Quỷ ăn tinh khí người, dối trá làm bạn thân, hứa rằng: Ta vì bảo hộ cho người thúc hối người rán sức ra mặt trận mà chết, rốt chẳng cứu hộ gì cả nên chịu báo đày.

26.- La sát quỷ: bởi đời trước giết nhiều sanh mạng để làm tiệc đại hội, nên chịu cái báo bị lửa đốt cháy đày.

27.- Hoả thiêu thực quỷ: Quỷ ăn lửa cháy, do cái tâm sên tiếc, ganh ghét, che dấu, ưa ăn vật thực của chúng tăng, trước đọa địa ngục, từ địa ngục ra, nên chịu lò lửa đốt thân.

28.- Bất tịnh hạn mạch quỷ: Quỷ ăn đồ bất tịnh nơi đường hẻm, bờ ruộng, do kiếp trước đem vật thực không sạch thí cho nhà Tăng phạm hạnh ăn, nhân đọa báo đày, ăn đồ bất tịnh.

29.- Thực phong quỷ: quỷ ăn gói, do thấy nhà khát sĩ đến xin, hứa mà chẳng cho, vật thực chi cả, nhân chịu báo đày, thường bị cái bệnh đói khát, như chịu khổ nơi địa ngục.

30.- Thực than quỷ: Quỷ ăn than, do làm chủ ngục hành hình, cấm chẳng cho tù nhân ăn uống, nhân chịu báo đày thường ăn lửa than.

31.- Thực độc quỷ: Quỷ ăn chất độc, do trước kia đem độc thực cho người ăn chết, nhân đó đọa địa ngục, sau ra làm quỷ thường chịu đói khát, hằng ăn lửa độc cháy thân.

32.- Khoáng dã quỷ: Quỷ đồng rộng, giữa đồng rộng mình mông, có kẻ đào ao hay giếng nước để thí nước cho khách đi đường giải khát, mà có người thốt lời độc ác rằng: quyết phá ao nước, khiến người chịu khát, nên chịu báo đày, thường bị bệnh đói khát, lửa đốt cháy thân.

33.- Trùng gian thực khô thổ quỷ: Quỷ ăn đất tro giữa gò mả, do trộm lấy bông hoa cúng Phật, đem bán lấy tiền để sanh nhai, nên chịu báo đày, thường ăn đất tro nóng nơi chỗ thiêu thây của người chết.

34.- Thụ hạ trú quỷ: Quỷ ở nơi gốc cây, do thấy người ta trồng cây để thí bóng mát kẻ đi đường nghỉ mát, mà sanh ác tâm đốn chặt đi, lấy cây để xài dùng, nên đọa làm quỷ ở nơi cây để chịu cơn lạnh dữ nóng hung.

35.- Giao đạo quỷ: Quỷ nơi đường giao thông, do trộm lấy lương thực của người đi đường, bởi vì ác nghiệp đó, thường bị cưa sắt đứt đứt thân, nhân đồ người ta cúng tế rồi đem bỏ nơi đường ngã giao thông, lấy ăn để tự sống.

36.- Ma La thân quỷ: Quỷ thân Ma La là Tròi Ma vương, do hành tà đạo, chẳng tin đạo chánh chân, nhân đọa làm Ma La quỷ, phá hại những người tu pháp lành.

BA MƯƠI SÁU VỊ QUỶ VƯƠNG

1. Ba tra bệ lệ đa
2. Bà la môn tiên
3. Bà tra viễn hại đại lục
4. Nhã dạ xoa kiết cha
5. Bà la sát thực bất tịnh
6. Cơ hư thực phần
7. Ba tra phú đan na
8. Bà xoa nhân các cha
9. Bà la đa nhiệt bệnh
10. A phụ tà nịnh truyền tống
11. Ba tra các cha
12. Bỳ đà la đa
13. Nhã kiện đà la
14. Ô ma lạc ca
15. A bạc ma la
16. Cưu bàn đồ la
17. Bỳ xá xà đa
18. Vi đà la đa
19. Phụ vật vi quái
20. Phong hành yêu quái
21. Súc hành tịnh mụi
22. Trùng thành trùng độc
23. Ôn suy lệ ngược
24. Âm mụi U thị
25. Tinh Minh vọng lượng
26. Minh Linh dịch sử
27. A lý đế mẫu
28. Thực tiêu nhi tinh khí
29. Hà hải tinh mụi

30. Ba tra thực sí
31. Nhật nguyệt bặt thực
32. Ba la cha văn trà
33. Ba tra thực diên tiêu
34. Ba tra thực nung thuế
35. Bà tra thực thai huyết
36. Bà tra ma la

Cả ba mươi sáu vị Quỷ vương trên đó đều làm chủ trong ba mươi sáu bộ quỷ thần, hay thống lãnh vô lượng chư quỷ chúng, nếu cử lên kêu mời các vị quỷ chúa, thì cả bộ lạc các quỷ chúng đều phải thính lệnh thị tùng.

Bốn Thiên-vương thống-lãnh tám bộ Quỷ Thần	1 Đông phương Trì-quốc Thiên- vương lãnh	Chúng Kiền-thát-bà, dịch : Tầm- hương, làm nhạc-thần cho Đê- Thích.
		Chúng Tỷ-xá-dà, dịch : Quỷ ăn tinh khí.
	2 Nam phương Tăng trưởng Thiên vương lãnh	Chúng Curu-bàn-đồ, dịch : Quỷ đẻ mè.
		Chúng Tiết-lệ-đa, dịch : Quỷ đói rốt trước.
	3 Tây phương Quảng mục Thiên vương lãnh	Chúng Phú-đan-na, dịch : Quỷ đói hỏi.
		Chúng Nga-già, dịch : Rồng.
	4 Bắc phương Đa-văn Thiên- vương lãnh	Chúng Dạ-xoa, dịch : Quỷ chóng- truyền-tấu.
		Chúng La-sát, dịch : Quỷ bạo-ác ăn người.

Bốn vua Trời đều lãnh hai bộ Quỷ Thần để bảo hộ đời người trong bốn châu, nên thiên hạ nhân dân được bình an, nên nhân loại đều biết tu thiện.

Loài quỷ ở rải rác trong các thú (nhân, tu la, địa ngục, súc sanh), nhẩn đến trong phòng nhà chỗ các người ở, đều có Quỷ đầy nhẩy lẫn ở trong cả, nhưng người với Quỷ chẳng thấy lẫn nhau, cũng không trở ngại với nhau; đầy đều bị dằm nơi không, sa nơi mờ dài mãi lâu kiếp chẳng đặng siêu thoát! Dầu có đặng Phật pháp ánh Thánh chiếu tới, chạm mặt mà chúng cũng chẳng thấy nghe gì cả! Bởi cái nghiệp chướng vô minh từ đời trước nó tự ngăn che đến thế, là chỗ mà trong kinh Phật bảo rằng: cả ngàn Phật ra đời, nó cũng không thể sám hối được, vì cái bồn nghiệp nó chẳng cho thực tế!

Về nương Phật

Về nương Pháp

Về nương Tăng

Về nương Phật đáng Lương túc

Về nương Pháp đáng Ly dục

Về nương Tăng đáng Giữa chúng

Về nương Phật rồi

Về nương Pháp rồi

Về nương Tăng rồi. *(Đó là vâng rao pháp Tam quy)*

Khi đọc phải quán tưởng: Tất cả chúng sanh đều nhứt tâm quy y ngôi Tam bảo.

Sáu câu trước, chính là tuyên dương pháp tam quy; ba câu sau là ba kết thúc. Trước kia, thỉnh ngôi Tam bảo các Thánh Hiền; còn đây là vì tuyên pháp tam quy, khiến cho về lẽ chánh để mau thoát tam đồ.

Số là Tam-bảo tức đáng Từ Phụ của chúng sanh, mà là bừu phiệt nơi khổ hai, người quy y Tam bảo phi chi công đức lợi ích cho một mình mình mà thôi, vả lại còn có công ích khắp giúp cho cả chúng sanh nữa, do thế, hễ kẻ có tâm thì đều phải quy y Tam bảo.

Ngôi Lương túc: phúc túc, huệ túc. Phúc đủ, nên chúng sanh trong chín cõi đều quy y, huệ đủ, nên tùy cơ đều thuyết pháp hoá độ được cả. Dầu ai năng quy y, ắt cũng được phúc huệ đều đủ cũng như Phật vậy.

Ly dục tôn: Lìa rời tình dục của hạ giới, cái dục nó làm gốc sanh tử, cái tình nó làm căn nghiệp quả, dục tình chẳng đoạn được, thì phải luân hồi mãi không thôi! Nếu người mà tuân y theo giáo giới, ắt siêu khỏi biển tình dục.

Đấng giữa chúng, tức là ngôi chúng Trung tôn: Tăng sĩ đủ sáu hòa hiệp cả sự lẫn lý, phạm hạnh (tĩnh hạnh) cao cả, truyền pháp lợi sanh, làm Thầy giữa nhân và thiên, nếu người mà năng quy y về ngôi Tăng thì ắt lên bực Thánh.

Phật tử (hữu tình, cô hồn) chỗ tạo các nghiệp ác,

Đều bởi vô thí tham, sân, si,

Từ: thân, miệng, ý chỗ sanh ra,

Tất cả Phật tử (hữu tình, cô hồn) đều sám hối.

Đó là sám hối ba nghiệp.

Khi tụng bài này phải quán tưởng tất cả chúng sanh từ vô thí đã gây nghiệp chướng nay nhờ sám hối đều đặn tiêu trừ.

Phật tử, hữu tình, cô hồn do phân ra làm ba câu mà đọc như thế đó, e là chẳng phải thật bổn của Mông sơn; sách Lược giải lấy **Phật tử** gồm cả địa ngục, ngạ quỷ, lấy **Hữu tình** gồm bàng sanh, lấy **Cô hồn** gồm cả các loại tam đồ, thế cũng chưa chu tất. Chưa bằng đọc ba lần đều chỉ dùng đọc một **Phật tử** là thoả hơn. Có bổn ba biến đều đọc là **Ngã kim** đó, bèn cho là thay vì cho quỷ loại mà đọc, là muốn cho tiếng của chúng đọc hòa rập một cách cho dễ vậ thôi.

Quy y rồi, phải tỏ bày sám hối. **Phật tử**: Thánh phạm đồng được xưng hô, mà có thân và sơ có khác nhau, **Thánh**: tức là các vị đã tu chứng ba thừa xuất thế gian, đã giác ngộ Phật tánh, là “thân tử” của Phật; mà giác ngộ còn cạn, cũng là “sơ tử” của Phật.

Phạm: tức là chúng phạm ở thế gian, mặc dù còn đương mê, mà sẵn đủ Phật tánh, tuy mê còn cách xa với ngộ, chớ cũng gọi là “sơ tử” của Phật.

Lại diễn giải ra bốn câu, đều thâm hết cả thân sơ trong chín cõi (xem biểu đồ dưới kia).

Hữu tình: Tình, tức là ba hoặc tình ái, chúng sanh ở sáu đường, đều lấy sáu căn đối nhau với sáu trần mà phát khởi ba hoặc tình ái, rồi vờ lấy sanh tử trong ba cõi, nên nói là “hữu tình”.

Cô hồn: Không người thân để nương nhờ, không kẻ sơ để bè bạn, sa mãi nơi tối tăm, xấn hoại trong cõi người, mắc báo không biết quanh lánh, chịu khổ không ai cứu vớt, nét xấu không vẻ trang nghiêm, trải kiếp thường cõi quạnh, nên nói là “cô hồn”.

Song, tất cả chúng sanh, với cái chỗ có ra ác báo đó, là đều do từ kiếp vô thí lại nay: Cái thân tạo ba nghiệp là sát, đạo, dâm, cái khẩu gây ra bốn nghiệp là vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác

Cả bốn Giáo Phật-tử với thân-sơ đều có bốn

1.- Sơ	giữa sơ	— Là giữa bốn giáo-ly tức chúng-sanh	— Vì bấy nay chưa nghe danh Phật toàn mê.
2.- Thân	giữa sơ	— Là giữa bốn giáo danh-tự, quán-hạnh tức chúng - sanh	— Vì hoặc nghe biết Phật phát dấy tu. -
3.- Sơ giữa	thân	— Là giữa bốn giáo trong-tợ tức chúng - sanh	— Vì đã ngộ cái lý trương-tợ pháp-tánh
4.- Thân	giữa thân	— Là giữa bốn giáo phân chứng tức chúng-sanh	— Vì hân chứng ngôi Thánh Vô - sanh lý-tánh.

Chúng sanh không ngăn thệ nguyện độ.

Phiền não không hết thệ nguyện dứt,

Pháp môn không lường thệ nguyện học,

Đạo Phật không trên thệ nguyện thành.

Đây trước sự sau lý theo thời phát nguyện.

Trong khi tụng, về sự phát nguyện: tướng chúng sanh nghe tiếng đều dấy cái hoảng thệ của Bồ tát. Trong khi tụng, về lý phát nguyện: quán tướng chúng sanh liền ngộ tứ hoàng đều là tự tánh sẵn đủ.

Bốn câu trên là Tứ hoàng thệ nguyện về sự vậy.

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, chúng sanh tức là chúng pháp tương sanh, đông nhiều pháp hợp lại với nhau để sanh. Nghĩa là: năm âm và tinh cha, máu mẹ, mình là ba duyên. Năm với ba ấy hòa hợp lại, tức có cái thân đây; đã có thân đây, thì có các khổ nó dòi ép, là chỗ mà xưa đã bảo rằng: ba khổ, tám khổ (xem biểu đồ ở kinh Di Đà), vô lượng các khổ; khổ tuy vô lượng, ta nguyện độ hết, vả lại, chúng sanh vô biên, mà nguyện của ta cũng vô biên, đó là duyên theo Khổ để mà phát thệ nguyện.

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn, phiền não: tức là ba điều hoặc, hoặc: mê hoặc vọng tưởng. Kiến hoặc, tư hoặc là phiền não của chúng sanh ở sáu ngã; Trần sa hoặc là phiền não của các thánh nhân ở Nhị thừa; vô minh hoặc là phiền não vi tế của Thập địa Bồ tát. Duy chỉ có Phật là hoàn toàn thanh tịnh; chúng sanh nhân cái mê (mê hoặc vọng tưởng) nọ chất chứa đến cái mê kia; quanh đi quẩn lại cũng chỉ là kiên hoặc tư hoặc thành mê chồng chất, hằng ngày nhóm họp các vọng tưởng phiền não mãi, nay khiến cho đoạn sạch hết. Và lại, chúng sanh không hết phiền não, thì nguyện của ta cũng không hết. Đó là duyên về Tập đế mà phát thế nguyện.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học, do vì chúng sanh trong chín giới căn cơ có ngàn điều sai khác, nên Như Lai nói pháp giáo hoá có nhiều phương, ta nguyện học hết. Và lại, chư Phật có vô lượng pháp môn, mà nguyện ta cũng vô lượng. Đó là duyên theo Đạo đế mà phát thế nguyện.

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành: Với ba hoặc, Như Lai đã thanh tịnh viên mãn; với hai tử (phận đoạn sanh tử, biến dịch sanh tử - Sanh tử tử, Niết bàn tử) Như Lai đã vĩnh viễn khỏi rồi, một mảy chẳng nhiễm, chín giới đều về, nay ta đều thành; và lại, đạo Phật vô thượng, mà nguyện ta cũng vô thượng. Đó là duyên Diệt đế mà phát thế nguyện.

Song, với tứ hoằng đây là chỗ của Bồ tát tu, nay khắp khiến cho chúng u đồ đều dấy nguyện đây, để chóng đặng cái đạo quả vô thượng Bồ đề mà thôi.

*Với chúng sanh, tự tánh thế nguyện độ,
Với phiền não, tự tánh thế nguyện đoạn,
Với pháp môn, tự tánh thế nguyện học,
Với Phật đạo, thế nguyện thành.*

Đây là tứ hoằng thế nguyện về lý vậy.

Số là, tịnh của Tứ thánh, nhiễm của lục phàm, đều do nơi đương niệm hoặc ngộ hay mê: hễ đương niệm mà mê, thì tùy theo cái tác dụng nhiễm duyên, mà làm những các thân sanh tử ở chín giới; trái lại hễ đương niệm ngộ, thì tùy theo cái diệu dụng tịnh duyên, mà tức là bản thể diệu minh nơi Phật giới.

Nên: chúng sanh, phiền não, pháp môn, Phật đạo, đâu chẳng là cái dụng vốn đủ trên tánh thể. Song, về dụng tuy có nhiễm có tịnh, chứ về tánh thể thì nó vẫn bất biến.

Tỷ như cái gương dù chiếu hiện bóng tượng, mà thể của gương cũng vẫn bất biến.

Chúng U hồn kia, nếu hay đương niệm lãnh ngộ, thì với chúng sanh phiền não, vốn không đoạn mà đoạn, với Pháp môn Phật đạo, vốn không chúng mà chúng, với lý đã viên thông, thì với sự nguyện trước kia, khá dùng tương tức nhau được.

Lời chân ngôn diệt định nghiệp của Địa Tạng Bồ tát

Từ đây sắp xuống là diệt các tội nghiệp

Ấn, bát ra mặt lân đà nãnh ta bà ha.

Khi tụng chú này, tâm quán tưởng tất cả chúng sanh thấy đều phá trừ định nghiệp từ vô thủy.

Nghiệp: có hai thứ: 1/ Định nghiệp, đòi trước chỗ đã tạo nghiệp, ắt nhứt định đời nay phải chịu báo, nên với định nghiệp này chẳng dễ gì sám hối! 2/ Bất định nghiệp, đòi trước chỗ gây ra nghiệp hoặc khinh hoặc trọng không nhứt định, nên nay sám hối thì dễ.

Không luận: Định hay bất định, đều từ nơi mê hoặc mà tạo ra cả, mà cái hoặc nó không có tự tánh của nó, mà nó lấy chân như làm tánh. Tỷ như: luồng mây thoát khi thoát diệt, mây nó không có tự nương, mà lấy cõi thanh hư làm nương. Số là, chúng sanh, Phật với ta, tâm đồng cõi thái hư, bấy nay không có hoặc, cái hoặc sở dĩ có ra là nhân nơi mê mà có; trí huệ như Nhật (Phật tánh) phục sáng, mê hoặc như mây trọn tiêu. Nên phải dùng cái quán trí chuyên tinh tụng trì thần chú, cảm đến Phật từ, trí, chú, Phật là ba, phi một phi ba, mà ba mà một, ba một hòa suốt lẫn nhau, đồng một cái thực tướng; kia chúng sanh chỗ tạo ra định nghiệp dù có vô lượng, nhưng đều hoạn hoá hư vọng chẳng thực, nếu được gặp cái kho trí quang minh, thì hoặc nghiệp kia. dường như một điểm sương tuyết trên lò lửa hừng.

Bài chú đây với bài “chú phá định nghiệp” trong kinh Diệm khẩu, lời khác mà nghĩa đồng, khi tụng chú phải tự quán tưởng tâm mình thành một vàng mặt nguyệt thanh tịnh tròn đầy sáng suốt, với trên vàng tâm Nguyệt, tưởng có một chữ (hột rị) màu xanh, chữ hột rị phóng hào quang khắp chiếu chúng sanh trong nghiệp đạo, chúng sở hữu các định nghiệp mà chư Phật chẳng cho sám hối đó, khiến cho đều được thanh tịnh.

Lại nên tượng cho kia tự tánh bấy nay vẫn thanh tịnh, tâm, Phật, chúng sanh, ba ấy không sai khác nhau, thế gọi là “Phá quyết định nghiệp”.

Chú diệt nghiệp chướng chân ngôn của đức Quán Âm Bồ tát Án a lô lạc kế ta bà ha.

Khi đọc chú này, tâm phải quán tưởng: tất cả chúng sanh có bao nghiệp chướng thấy đều tiêu diệt.

Nghiệp chướng cũng có hai; định nghiệp và bất định nghiệp. Chú trước là để phá cái định nghiệp thuộc về lý; chú đây là để phá cái bất định nghiệp thuộc về sự; sự được lý hòa, lý nhân sự mà được rõ, sự lý không ngăn ngại, thế mới là chân sám hối.

Chú đây cũng cùng đồng nghĩa nhau với chú sám hối diệt tội trong kinh Diệm khẩu. Khi tụng chú đây, phải quán tưởng trên cái vàng tròn Tâm Nguyệt thành chữ hột rị màu trắng, chính chữ hột rị phóng ra hào quang phổ chiếu vào nơi thân của các nga quý, như cái tròng mắt nhứt sai tan hột sưng móm, bao tội cấu đường như nhựa mực theo nơi chơn chảy xuống, thấm vào dưới đất thấu đến lớp kim cang, tội chướng theo niệm tiêu diệt hết, đem cái thân tất cả tội trước kia, nay chuyển thành làm thân hoàn toàn thanh tịnh.

Hỏi: Thế nào tội như nước nhựa mực?

Đáp: Tội là hắc nghiệp, nên lấy mực để tượng trưng, nhựa có ý chảy rớt, nên nói là mặc trấp (chảy rớt: tức là cái vọng tưởng nó sanh diệt diệt sanh luôn luôn tiếp nối mãi với nhau chẳng dứt, dường như dòng nước chảy rớt chẳng đình trú)

Thần chú diệt chướng ngại

Khai yết hầu chân ngôn:

Án bộ bộ để rị già đa rị đác đa nga đa da.

Khi tụng chú này phải quán tưởng tất cả nga quý cuồng hống bằng mũi kim cả mở rộng ra, lửa nghiệp thối chảy mà được thanh lương khoái lạc!

Yết hầu: là chủ về ngôi rãnh (cửa vòm) khá khiến sự uống ăn chảy thông vào. Xưa nay thường có hạng người tánh tình sến tiếc, tham lam, kiêu mạn, vạy vò, bụng trống lòng cao, tạo nhiều nghiệp dữ nên cảm chịu lấy cái thân nga quý, yết hầu tự đóng nghẹt, suốt cả trăm ngàn muôn kiếp, chẳng nghe đến cái tên nước cháo. (với cái nghe còn chẳng có, làm gì có cái ăn!) Hoặc có khi thấy nước vừa muốn uống thì lại thấy nó hoá làm nung huyệt, hoặc

đưa nước vừa đến miệng, thì nước nó lại hoá ra lửa đốt cháy cả thân, mãi chịu đói khát.

Trước kia như đức Mục Liên Tôn giả dùng thiên nhãn thấy mẹ đọa trong loài ngạ quỷ. Tôn giả lấy bát đựng đầy cơm đến dâng mẹ bà liền lấy tay tả che bát, tay hữu bốc ăn, cơm vừa đến miệng, hoá thành lửa than! Mục Liên thương khóc chạy về cầu Phật.

Phật dạy: Mẹ ngươi tội nặng, phi đạo lực của một người có làm gì được! Người dù có hiếu cảm đến thấu trời thấu đất, mà thiên thần địa kỳ cũng chẳng làm gì cứu đặng! Ất phải nhờ cả đạo lực uy thần của tăng chúng nơi mười phương mới có thể giải thoát đặng.

Mục Liên liền y theo lời Phật dạy, cúng dàng chúng tăng, liền ngày ấy bà mẹ được thoát khỏi cái khổ ngạ quỷ.

Nay chúng sanh trong sáu đạo, đều bởi chỗ tạo nghiệp nặng từ vô thi đến nay, nếu phi pháp lực của trí quán và mật chú, thì đâu đặng trừ diệt được.

Chú đây nghĩa cũng đồng nhau với chú khai yết hầu trong kinh Diệm khẩu.

Sách tùy văn ghi rằng: Khi tụng chú đây phải quán tưởng làm phép như thế này: dùng bàn tay tả để ngửa lên như đựng đầy hoa sen, trong hoa hiện ra một chữ A màu trắng, chảy ra nước tánh rất trong mát, khắp rưới cả cõi hư không tất cả ngạ quỷ chạm đến nước đây tức thì cuống họng đều mở rộng lớn không ngăn ngại, tự thân nhuần thấm.

Với phép thủ ấn, chỉ một người làm là được rồi, còn chúng thì không thể làm, nhưng mỗi người nơi tự tâm mình tưởng: một chữ (A) màu trắng chảy ra thủy tánh rưới trên không như mưa, xối tưới xuống thân thể ngạ quỷ, tức thì yết hầu thanh tịnh thông suốt.

Thần chú Tam muội Da giới chân ngôn

Ấn Tam muội da tát đỏa phạm

Khi tụng chú đây, quán tưởng tất cả chúng sanh đồng thụ linh Bửu giới kim cang quang minh, tâm đắc thanh tịnh, thân như Bồ tát. Đây là trao giới tam muội cho chúng sanh.

Tam muội giới: tức là đại thần giới, chính là của Bồ tát thụ trì; nếu muốn đắc giới đây, ắt đầu tiên phải sám hối trừ hết nghiệp đời trước, mới xiết trao chịu được. Tỷ như cái bình lưu ly là thứ bình rất trong sạch sáng suốt, mới xiết chứa đựng sữa của con sư tử được, còn đựng vào thứ đồ khác thì nứt bể liền.

Nay vì một loại chúng đương chịu điều cực khổ khóc chôn u minh, trước vì diệt nghiệp trừ khổ, chẳng thế, chúng kia đâu có ý gì bắt thụ giới pháp. Do thế, văn này có kệ chú diệt nghiệp sám hối làm tiên đạo, nhiên hậu tiến đến thụ giới tam muội da.

Kinh Duyên khởi nói: Nếu muốn hành trì pháp thí thực, thì nên phát tâm bồ đề, trao lấy giới tam muội da.

Khi tụng chú, phải tưởng chữ (Tông) màu trắng, phóng ra hào quang sáng lớn khắp chiếu chúng hữu tình, ánh sáng kip đến thân của chúng kia, thì giới ba la mật của chư Phật liền viên mãn trong nhứt thời này, là chân Phật tử.

Trong Đàn nghi nói: Phương pháp thụ giới được thành tựu là chú trọng ở ba lần yết ma, giới thể nhân đây mà đặng viên mãn.

Với chú đây: Khi tụng biến thứ nhất, phải tưởng cả thể giới mười phương, cái giới pháp diệu thiện, theo tiếng yết ma (*dịch: tác pháp biện sự, nghĩa là làm phép phân việc*) thấy đều rung động. Khi tụng biến thứ nhì, phải tưởng cả thể giới mười phương, cái giới pháp diệu thiện, do nơi nghiệp lực của tâm, đều nhóm giữa hư không, như làn mây, tàng lọng, xoay vần chẳng tan. Khi tụng biến thứ ba, phải tưởng giới pháp diệu thiện đây, từ nơi đánh môn chảy vào biển tạng tâm thức, làm hội giống Phật vĩnh viễn.

Kinh thí ngạ quỷ nói: Tụng chú đây ba biến rồi, tất cả Quỷ thần liền nghe được pháp bí mật thậm thâm, đều đặng cụ túc tam muội da, vô lượng y phước. Tam muội, dịch: chánh định, lại dịch: chánh thụ, do giới pháp thanh tịnh, nên được chánh định, trong định chẳng chịu ta thụ, vì chỉ là pháp tánh chánh thụ mà thôi.

Thần chú biến thực chân ngôn

Nam mô tát phạ đác tha nga đa, phạ lô chỉ đế. Án, tam bạt ra, tam bạt ra hồng.

Đọc chú đây nó biến hoá ra pháp vị: khi đọc chú quán tưởng các đồ ăn từ một biến hóa ra thành bảy, với bảy lại hóa ra thành bảy nữa, nhân đến hóa ra nhiều đến vô lượng, đây lớp cõi hư không cùng vạn vật không ngăn ngại, thụ hưởng pháp vị, thần tượng viên mãn.

Ngài A Nan Đà nhập định trong rừng, đêm khuya, có một quỷ tên là Diệm khấu hiện hình đến chỉ bảo cho phương pháp kéo dài tuổi sống thêm, nhân đó A Nan Đà liền cầu cầu nơi Phật.

Phật dạy rằng: Ta tự nhớ lại thuở đời quá khứ, ta làm một người dòng Bà la môn, đối trước đức Quán Thế Âm Bồ tát, truyền trao cho phương pháp đà la ni của Phật Vô lượng uy đức tự tại quang minh Như Lai; tụng Đà la ni đó, nó hay biến một món ăn mà hoá ra làm vô lượng món ăn lớn bằng núi Tu di, lượng đồng cõi pháp giới, trọn không thể hết.

Thần chú đây nó cũng đồng nghĩa mà khác lời với chú biến thực trong nghi Diệm khẩu khoa. Khi tụng chú đây, tay tả bưng món ăn đưa lên, tay hữu ngón cái bấm với ngón vô danh, ngón út co lại, ngón thực và ngón giữa duỗi ngay ra để lên đồ đựng vật ăn, tưởng các vật ăn, mỗi hột biến hoá ra thành bảy hột, bảy hột lại biến thành bảy hột nữa, mà làm thành đầy bảy hột, bảy lần bảy, lại biến hoá ra làm thành bốn mươi chín hột, như thế lần lượt biến hoá mãi nhiều hột thực đây lấp cõi hư không, ngon ngọt thơm phức, thân vật không ngăn ngại nhau.

Kinh Thí Ngạ Quỷ nói: Tụng một bảy biến (tượng trưng bảy Thánh tài, hoặc có thể tụng ba lần bảy biến, hoặc bốn mươi chín biến, hoặc một trăm lẻ tám biến, càng nhiều càng hay), thì cả quỷ ngạ đều đặng đồ ăn số bảy lần bảy hột như hột của nước Ma đà đà thường dùng, ăn rồi đều được siêu sanh lên các cõi trời, hoặc vãng sanh về Tịnh độ, năng khiến hành giả tiêu trừ nghiệp chướng mạng thêm sống lâu.

Thần chú cam lộ thủy chân ngôn

Nam mô Tô rô bà da, dát tha nga đa da, dát diệt tha. Ân, tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, ta bà ha.

Khi tụng chú đây, quán tưởng cùng nước biến thành pháp thủy cam lộ, rộng lớn như biển, cùng vật không ngăn, thâm đến nước đây, thường được thanh tịnh diệu lạc!

Đây là pháp thí cam lộ của đức Phật Diệu Sắc thân Như Lai.

Khi tụng chú này phải quán tưởng giữa cái vàng tròn tâm nguyệt thành một chữ (Tông) giữa điểm sáng chảy ra ánh nước bát nhã cam lộ, khắp đây pháp giới, thấm nhuần tất cả chúng sanh nơi các nghiệp đạo, chóng lìa phiền não mà đặng thanh tịnh.

Kinh Thí Ngạ quỷ nói: “Tụng chú bảy biến, hay khiến các món ẩm thực và nước đều biến thành màu sữa cam lộ, hay mở rộng cuống họng của tất cả ngạ quỷ, mà được cùng ăn với nhau một cách bình đẳng.

Hỏi: Vật ăn và nước đều khắp thế giới thì Phật và chúng sanh để thân đứng, ngồi, và ở chỗ nào?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Cái tánh của vật sắc là chân không, cái tánh hư không là chân sắc”. Kinh ấy lại nói: “Tánh của nước là chân không, tánh của không chân thủy, thanh tịnh sẵn sàng, khắp giáp pháp giới, tùy tâm chúng sanh, hạp lượng chỗ biết theo nghiệp đây bày.”

Nay hành giả quán trí đều thanh tịnh khắp giáp, thì nước và đồ ăn cũng đều chẳng khắp giáp. Số là, do vì tâm trống vắng, thì sở hữu nước, vật thực đều chẳng trống vắng, vì không tức là sắc, mà sắc tức là không, vậy hư không vật sắc chẳng hai, nên đặng sắc sắc lẫn khắp, tràn tràn không ngăn, như thế với pháp vị nhiệm màu khó nghĩ lường!

Thần chú Nhất tự thủy luân Án, tông tông tông tông tông.

Khi tụng thần chú đây, quán tưởng nước ấy lại đặng thanh tịnh diệu vị.

Kinh Thí Ngạ quỷ chép rằng: “Với cái Pháp ấn và thần chú “Nhất tự tâm thủy luân quán chân ngôn” của đức Tỳ Lô Cha Na là: ở nơi trung tâm tay hữu (thủ ấn) như màu sữa, biến hoá ra nước có tám chất công đức, (bát công đức thủy), chảy ra tất cả vị cam lộ, đề hồ, liền đưa tay đến trong những món đồ đựng thức ăn uống, quán tưởng sữa và các thức ăn kia từ trong chữ “Tông” chảy ra, dường như mặt nhật mặt nguyệt, tất cả quỷ chúng đều được no đủ, không thiếu một vật chi.

Thần chú Nhũ hải chân ngôn

Nam mô Tam mãn đa một đà năm án tông.

Khi tụng chú đây, quán tưởng nước trước, lại được rộng lớn hòa suốt dường như màu sữa nhiệm màu khó nghĩ!

Xét, kinh Thí Ngạ quỷ, thì thần chú Nhất tự thủy luân cũng là nghĩa biến thành biển sữa, thần chú đây chẳng qua là lại khiến biển sữa kia thêm rộng lớn hòa suốt vậy thôi.

Căn cứ lời bổ chú của Tổ Vân Khê nói: “Từ trước đến đây đọc và quán tưởng các thần chú, biến hoá mỗi mỗi ẩm thực thắng diệu, mà chưa từng quán tưởng cho hòa lẫn thành một vị, e chẳng đồng đều lòng từ tế, nên phải lại niệm thêm thần chú đây để hòa lẫn các món ẩm thực kia đều thành biển sữa, đặng phổ thí chúng quỷ thân tâm no khảm, thụ dụng không thiếu”.

Hỏi: Món ăn là chỉ chuyên nuôi thân, chứ làm gì lại khiến tâm no?

Đáp: Đây là pháp thực vậy, vì với thực vị thì khá nuôi thân, còn với pháp vị có thể minh tâm: nay đây, dùng cái tâm quán tưởng, tri cái pháp bí mật, để biến hoá ra thức ăn thanh tịnh, tức thành nghĩa thiên duyệt pháp hi.

Khi tụng chú đây, nên tưởng chữ (Tông) giữa điểm sáng chảy ra vị cam lộ, tay hữu chấm nước dùng búng lên hư không, như mưa tưới xuống, liền thành ra vị ngon Tô lạc, rộng như sông dòng dài.

Hỏi: Với chút ăn chút nước, làm sao có thể khắp pháp giới?

Đáp: Một là pháp lực của thần chú, hai năng lực của quán tưởng, và ba cảm thông đến uy lực từ quang phổ chiếu của Tam bảo, cả ba lực ấy viên dung, chẳng thể nghĩ bàn, nên mới có thể biến hoá ít ra làm nhiều được như thế đó. Vả lại như ông Loan Ba, dùng một chung rượu làm phép thuật, còn có thể hoá nên một trận mưa thay, huống chi là cái thần lực “Vô sanh khó nghĩ được” của Tam bảo ư !? Mà hành giả (thầy tụng chủ thí thực) chẳng thể chẳng dụng tâm cho đúng hành trì! (Đời nhà Hán ông Loan Ba làm chức Thượng thư lang, nhân ngày sanh của vua, thiết lễ khánh đàn, giữa bữa tiệc, nhà vua ban cho rượu, Loan Ba ngậm rượu hướng mặt về đất Ba Thục mà phun ra, quan Hữu tư tâu với vua rằng: ông Loan Ba bất kính! Loan Ba tâu rằng: Xứ Thành đô bị hoả hoạn, nên phun rượu để chữa lửa. Sau nghe Thành đô tâu lên rằng: Bị thất hoả, được nhờ có luôn mưa tắt cháy, trong đám mưa có hơi rượu !)

Lục Tông cách nói: Có cái lực đại nguyện đại trí, và cái lực pháp tánh tự thể không vô tánh, nên với tất cả chỗ ra làm, vẫn tự nhiên xong nên.

Vả chẳng, do cái tâm vọng chấp làm cuộc ngại, nên không thể biến hoá cảm thông được, đâu có đặng biến thông chẳng nữa cũng chưa rộng lớn mấy. Nếu tâm không vọng chấp, thì muôn pháp dung thông, thế, chẳng lìa cái cảnh “Khất chân” mà biến hoá vô cùng!

Sách Lục giới giải cho rằng: Nước thí thực đây, chẳng đồng với cam lộ trước kia, đó là quá ư cuộc chấp! Chứ biết đâu, thần

chú đây lại dung hòa với lẽ mâu nhiệm của thân chú biến thủy biến thực trước kia!

Tướng chúng quy nghe danh Phật đặng lợi ích

Nam mô Đa Bảo Như Lai

Nghe đến danh của đức Phật Đa Bảo thì có thể đắc trí huệ tài bửu của pháp tánh, mà thụ dụng không hết, vì là của sẵn trong tự tánh.

Nam mô Bảo Thắng Như Lai

Nghe danh của đức Phật Bảo Thắng hay dứt được lửa nghiệp phiền não sanh tử, liền đắc cái trí bửu pháp tánh bực vô thượng.

Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai.

Nghe danh của đức Phật Diệu Sắc Thân, hay đặng cái thân tướng hảo đoan nghiêm bực nhứt giữa tam giới, tức kinh Pháp Hoa bảo “vi diệu tịnh pháp thân, cụ túc tam thập nhị”, thật thế.

Nam mô Quảng Bác Thân Như Lai

Nghe được danh của đức Phật Quảng Bác Thân, thì đặng tiêu được lửa nghiệp, cuồng hống mở thông, mà đặng cái thân thanh hương vô ngại.

Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai

Nghe được danh đức của Phật Ly Bồ Úy, thì xa lìa các điều sợ sệt, thường đắc mọi sự khoái lạc thanh tịnh.

Nam mô Cam Lộ Vương Như Lai

Nghe được danh đức của Phật Cam Lộ Vương, thì năng đắc mùi vị cam lộ rót vào thâm tâm hằng đặng khoái lạc luôn.

Nam mô A Di Đà Như Lai.

Được nghe đến danh hiệu của A Di Đà Phật, thì được đắc sanh sang thế giới Cực Lạc là Tịnh độ, do liên hoa hoá sanh vào bực bất thối chuyển.

Khi tụng danh của bảy đức Như Lai đây, phải tưởng những tiếng tâm niệm Phật khắp nghe cả thế giới, tất cả chúng sanh đều quỳ gối chấp tay chí tâm lòng nghe tin chịu, một phen lọt vào lỗ tai, vẫn làm hột giống Phật, liền có thể vĩnh viễn xa lìa các khổ sanh tử của ba ác đạo, đắc vãng sanh về nước Cực Lạc, do trong hoa sen hoá sanh.

Kinh Niết bàn nói: “Nghe được hai chữ “thường trú” vẫn chẳng đọa địa ngục”. Huống chi được nghe cả Hồng danh vạn đức của Như Lai ư?

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Rất đời như người nghe danh của Như Lai, và nghe được cái pháp sở thuyết, mà chẳng sanh tâm tin hiểu đó, cũng còn được tập thành hột giống Phật, thì sẽ được thành Phật. Nay mà nghe được danh của đức Phật, đều được vô lượng công đức, chẳng thể nghĩ bàn!

Xâu kết chú trên để nguyện chánh thí thực:

Thần chú gia trì tịnh pháp thực (*pháp thí thực, cam lộ thủy*), **khấp thí hà sa chúng Phật tử**, (*hữu tình, cô hồn*), **nguyện đều no khảm bỏ kít tham, chóng thoát U minh về Tịnh độ, quy y Tam bảo đấng Bồ đề, ráo rột đặng thành đạo vô thượng, công đức không ngần tội đời sau, tất cả Phật tử** (*hữu tình, cô hồn*), **đồng pháp thức.**

Thần chú: Chỉ cả các thần chú “Biến thực biến thủy” trên kia. Câu đầu, bốn xưa đọc ba lần đều chỉ xưng là “Tịnh pháp thực” mà thôi; còn các bốn ngày nay; đều phân ra là: “Pháp thí thực và Cam lộ thủy” đó cho đời với “Hữu tình, cô hồn”, hai không phải thực bốn chánh Mông Sơn! Như thế, chưa bằng cả ba lần đọc đều chỉ đọc là “Tịnh Pháp thực” thì suốt một lẽ phải hơn.

Bồ đề, cự dịch: “Đạo”, tân dịch: “Giác”

Ngươi thấy chúng (Phật tử, hữu tình, cô hồn), **ta nay cúng thí ngươi, cơm đây khấp mười phương, chung tất cả** (Phật tử, hữu tình, cô hồn), **xin đem công đức đây, khấp cùng với tất cả, thí thực cho** (Phật tử, hữu tình, cô hồn), **đều cùng thành Phật đạo.**

Hai bài nguyện kệ đây: Kệ trước là mở ra sự thí thực, kệ sau là nguyện cầu Phật đạo.

Khi tụng kệ, phải tưởng: Tất cả Quý thần đồng thụ thực với nhau bằng một cách bình đẳng, thì liền được sanh sang Tịnh độ. Bảy giờ Hành giả bung nước và đồ ăn để lên đài xuất sanh, nếu chẳng có đài, thì để chỗ đất sạch, hoặc để lên viên đá sạch, chẳng nên để chỗ có cây thạch lựu, cây đào, vì quý nó sợ hãi mà chẳng đặng ăn được!

Với cái đài xuất thực mà phân ra làm ba phần đó, là do vì bôi phân làm ba chúng; 1. Phật tử; 2. Hữu tình; 3. Cô hồn, song, làm như thế, chưa khỏi cái bịnh thành kiến cuộc chấp! Do có sao? - Số là cái diệu lực thần chú Biến thủy, biến thực rộng lớn không ngần, chẳng khá nghĩ bàn, khiến chúng quý kia bình đẳng thụ thực, thế thì chẳng phân làm ba là thoả hơn. Bốn Diệm khẩu khoa nghi

có phân: 1. Là thí chúng Thủy tộc, khiến đặng cái “Nhân không”
2. Là thí cho chúng Mao quận, khiến đặng “Pháp không”; 3. Là thí cho chúng Bẩm thức, tượng hình ở tha phương, thấy đều no đủ đặng “quả Vô sanh nhẫn”. Đó là dùng nghĩa rằng: Tuy theo căn cơ khiến đặng ba không nên phân ra như thế. Đúng ra, thì há Thủy tộc riêng đặc “nhân không” mà chẳng đặc “pháp không”? Mao quận chỉ đặc “pháp không” mà chẳng đặc “nhân không”? Còn chúng có Bẩm thức tượng hình ở tha phương, lại độc đặc “Vô sanh nhẫn” mà bất đặc nhân không và pháp không ru?

Tại, thời ngộ trai có xuất thực đó, là chuyên vì: Đại bàng, Khoáng dã quỷ, và Quỷ tử mẫu, thì với đài xuất thực nên phân làm ba, vì xưa, Phật đã có chỗ hứa, chứ phi về ý chỉ của ngày nay

Thần chú thí vô cha thực chân ngôn

Ấn, mục lực lãng ta bà ha

Khi tụng thần chú đây, quán tưởng: Đạo tràng lãng suốt với pháp thực, kẻ oán kẻ thân, người xa người gần, đều không ngăn cản nhau, sáu đạo quỷ thần đều đặng bình đẳng.

Thần chú đây, đồng nghĩa nhau với thần chú thí thực của Diệm khẩu.

Số là từ trước đến đây, nào là làm phép: Tụng chú, kiết ấn, vận tâm quán tưởng, dù là bình đẳng khắp thí, nhưng mà hoặc kẻ quới khinh kẻ tiện, người mạnh lướt người yếu, lớp lớn ngăn lớp nhỏ, hoặc hành giả quán tưởng chẳng đúng như pháp, hoặc quỷ loại bị nghiệp nặng mà chẳng nghe đến được, đến đổi chẳng thụ hưởng gì đặng! Thế, há chẳng vượt mất qua cái ơn từ tế của Phật ư! Nên trái lại phải tuyên dương lời mật chú, để khiến cho kẻ oán người thân từ lịch kiếp nay được bình đẳng.

Lại, các vị thiện hữu, thân thích, hoặc vì sự duyên chí mà chẳng thể đi đến được, khiến họ đều đem sự giúp nhau, để đầy đạo tâm, chóng đến quả Bồ đề.

Rút lại mà nói: Đàn giới mỗi pháp tràn lãng khắp, việc cúng mỗi sắc tướng đều chân, tốt pháp giới đều là diệu viên, khắp hư không đồng là pháp tánh thì đâu còn có những điều lạ lùng: oán, thân, xa gần!?

Thần chú Phổ cúng dường chân ngôn

Ấn, nga nga nãng tam bà phạ phật nhật ra hộc.

Khi tụng chú đây, quán tưởng từ trước lại về chỗ biến môn tịnh thực, khắp thí chúng sanh trong lục đạo mười phương, kẻ xa

gần đồng một thể, bực cao thấp đều bình đẳng, người già trẻ, đũa sang hèn, không phân sót, hạng mạnh yếu, bọn oán thân chẳng phân cách.

Kinh Tịnh Danh nói: “Hội pháp thí ấy là không hề phân cách trước sau, đồng như thời cúng dường tất cả chúng sanh”.

Niệm thêm chú Tâm kinh đó, là muốn tỏ bày ra cái công thí thực hòa lẫn vào nơi biển Bát nhã vô tận tạng. Chỉ bởi Tâm kinh là tinh yếu của Bát nhã. Bát nhã tức là trí huệ nếu không có trí huệ thì làm gì có thể liền sạch lòng cho được! E chúng kia chấp trước nơi công đức pháp ái làm thực sự, nên dùng Bát nhã tâm kinh để rửa sạch bụi lòng, hòa lẫn vào biển Như lai tạng.

Lại niệm chú Vãng sanh đó, là để mong nhờ Phật A Di Đà và các Thánh chúng phóng quang tiếp dẫn, mau chúng bực thánh nơi Cực Lạc quốc.

Khấp kết hồi hướng

Thần chú Phổ hồi hướng chân ngôn:

Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma nã táp cấp ra, ma ha thính cấp ra hồng.

Từ trước lại đây, đem công đức thí thực, hồi hướng cho tất cả chúng hữu tình, ngõ hầu đều phát cái tu tâm chứng lên quả vị Vô thượng bồ đề, để làm việc tự lợi và lợi tha đặng sớm sanh về nước Cực Lạc, đồng chúng bực Phật thừa.

Lại, đối với chúng hữu tình nào không có thiện căn, thì khiến trồng căn lành; chúng đã có thiện căn, thì khiến làm cho tăng trưởng căn lành. Hầu chớ quỵên luyến nơi luân hồi, mà đều mau thành Phật đạo.

Nguyện ngày cát tường, đêm cát tường.

Ngày đêm sáu giờ thường cát tường,

Tất cả trong giờ người cát tường

Xin các:

Bực Thượng Sư thương nhận cho

Ngôi Tam Bảo thường nhận cho

Vị Hộ pháp thường ủng hộ.

Bài kệ đây là nguyện dâng công đức thí thực, để mong các ngôi Tam Bảo và các thân Hộ pháp thường xuống cho cái điềm lành vậy.

Sáu giờ: Đã thấy ở kinh Di Đà. **Thượng sư:** tức là ngôi Nhất thể Tam bảo, đã thấy nơi văn sám hồi. Ngoài ra, còn có ngôi

Biệt tướng Tam bảo, ngôi Thế gian trú trì Tam Bảo, **Hộ pháp**: tức là các vị thần: Thiên, Long, cả bát bộ và hộ giáo Già lam.

Bốn sanh lên nơi đất báu

Ba hữu gá sanh ao sen

Đông nhiều Nga quý chứng tam hiền

Muôn loại hữu tình lên thập địa.

Đây là gom kết công đức thí thực để phỏ nguyện cho tất cả quần sanh, liên sanh về tịnh độ đồng chứng lên quả thánh. Bốn sanh, Nga quý, Hữu tình là thân chánh báo giữa thế gian; Tam hữu là cõi y báo của thế gian. Đất báu, ao sen là cõi y báo của nước Cực Lạc, Tam hiền, Thập địa là ngôi Thánh ở nước Cực Lạc, tức là thân chánh báo bên Cực Lạc.

Bốn sanh: tức là Noãn sanh, Thai sanh, Thấp sanh, và Hoá sanh, gom cả chúng sanh ở ba giới, duy chỉ tứ sanh đây mà thôi.

Ba hữu: tức là ba giới, do vì chúng sanh trong ba giới đều mến chấp lấy sanh tử thì “có” báo ứng về thiện ác nhân quả, nên nói ba hữu.

Nga quý: đây là cử về chúng bị nghiệp chướng thâm trọng mà nói là nga quý chứ thiệt ra thì, phạm là trời đất, tất cả thần kỳ và các chúng Ly-muội vân vân, đâu chẳng thuộc về quý đây thống nhiếp.

Lục đạo: sáu ngã, chúng sanh trong sáu đường, đều có cái tình niệm, do nơi tình niệm, nên chấp trước cả sáu trần, bởi thế, chẳng dứt đặng sanh tử nên nói là hữu tình.

Nay các vị Tinh Linh đây, nương công đức thí thực, chóng siêu về Cực Lạc quốc, liền lên địa vị thánh nhân.

Đất báu: là hoàng kim vi địa. **Ao sen**: là hữu thất bảo trì, đều đã có rõ chép ở kinh Di Đà.

Tam Hiền: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương. (Ba mươi vị đây đều gọi là bực Hiền)

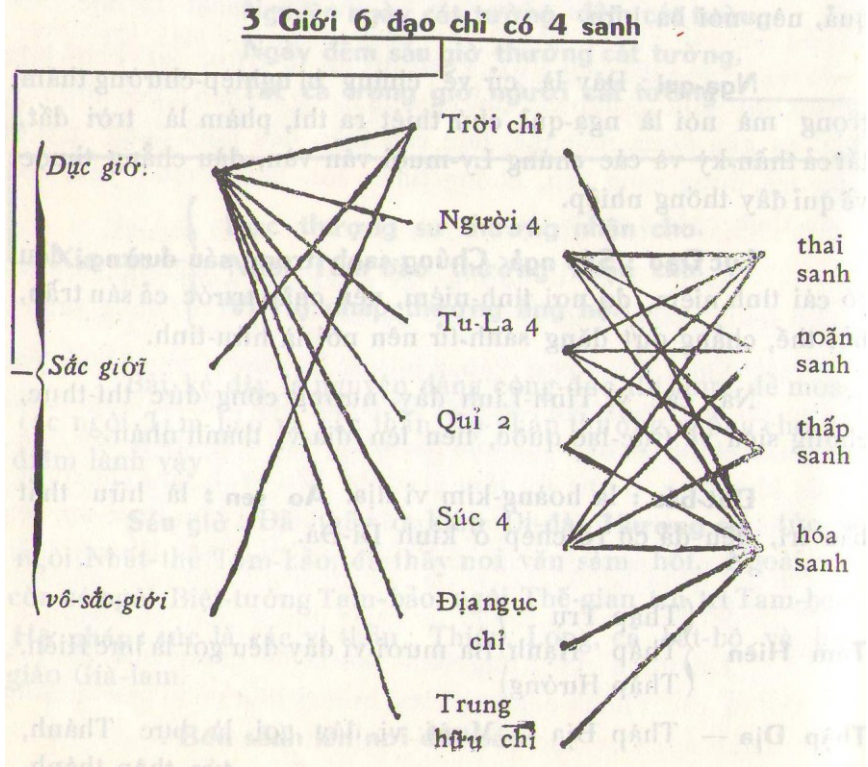
Thập Địa: Thập Địa (Mười vị đây gọi là bực Thánh tức thập Thánh)

Tam Hiền bên Biệt giáo, chưa phá được vô minh hoặc, nên xưng là Hiền, còn Thập địa đã phá được từ phần vô minh, chứng được Phật tánh trung đạo, nên xưng là Thánh.

Tam hiền bên Viên giáo, đều phá được từ phần vô minh, mà xưng là Hiền, còn thập địa Viên giáo đã phá được nhiều phần vô minh, tiến sâu vào pháp tánh mà xưng là Thánh.

Song, từ phá được từ phần vô minh nhận đi, đều là thân chúng pháp tánh, là bậc thâm vị đại Bồ tát.

Nay với Cực Lạc tịnh độ đây, có thể khiến nhứt thời đời nghiệp vãng sanh, lại có thể chóng siêu lên Tam hiền, thập Thánh há dễ ru? Đây, toàn là nương nơi kinh chú pháp hiền mật, gia dĩ pháp viên quán, cảm lấy đức từ của Phật, nên mới có thể mau chứng như thế đó!



Bài kệ

*Thiên cập ngục trung hữu;
Thị tam duy hoá sanh;
Tu la Nhân tinh Súc;
Các các cụ tứ sanh;
Quý thông thai hoá nhị
Danh tam giới tứ sanh.*

Đại ý rằng: Chúng sanh ở: Trời, địa ngục, và thân trung hữu, ba chỗ này chỉ là sanh nở bằng một cách hoá sanh. Chúng sanh ở: A tu la, loài người và súc loại, mỗi mỗi đủ bốn cách sanh.

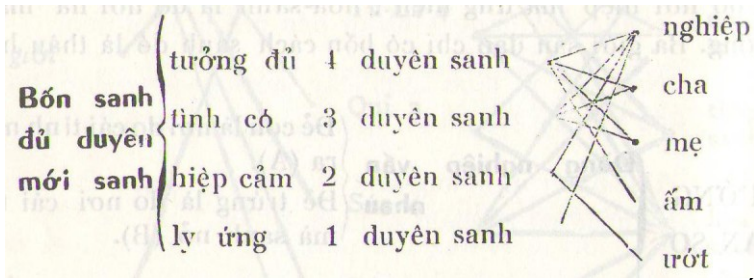
Loài quỷ thông đồng hai cách thai sanh và hoá sanh, cả đây là ba giới bốn sanh.

Loài mà nương nơi xác vỏ để sanh, thì gọi là Noãn sanh; loài mà hàm tàng trong bụng sanh ra, thì gọi là Thai sanh; loài mà mượn nơi chỗ ẩm ướt để sanh thì gọi là Thấp sanh, còn loài do nơi không mà bỗng có sanh ra thì gọi là Hoá sanh.

Lại, kinh Lăng Nghiêm nói: loài thai sanh là nhân nơi tình mà có; noãn sanh là nhân nơi tưởng mà sanh; thấp sanh là do nơi hiệp mà ứng hiện; hoá sanh là do nơi li mà cảm thông. Ba giới sáu đạo chỉ có bốn cách sanh đó là thấu hết cả.

Tướng ban sơ của bốn sanh

- **Đồng nghiệp vấn nhau:** Để con là do cái tình mà có ra (A); Để trứng là do nơi cái tưởng mà sanh nở (B).
 - **Hợp ly nên hóa:** Để chỗ ướt là do nơi cái hiệp mà cảm thông (C); Để biến hóa là do nơi cái ly mà ứng hiện (D).
- (A) Do một niệm ái tình, thân trung ấm nó thấy ánh lửa dâm dục của cha mẹ, mà nó gieo vào nơi phụ tinh mẫu huyết để làm giống thai, là nó đầu thai rồi. Từ đó kể đi, đến ba mươi tám lần bảy ngày, hình hài đã thành và ra khỏi bào thai, thì thứ thai sanh này, cái tướng sơ sanh của nó là động tinh huyết lại như một vết sữa đặc.
- (B) Con trống kê trên gió, con mái kê dưới gió, tùy cảm với nhau, liền tượng quả trứng, là cái tướng dần dần phân ra cho loài đẻ trứng.
- (C) Với chỗ ướt bản, khi mà hơi ẩm bốc lên (lúc vừa sa mưa xuống thấp nhiệt luân chùng), thân trung ấm lấy làm chỗ thăng thưởng, liền hiệp với nhau lại để sanh đẻ, thì cái tướng sơ sanh của nó như miếng thịt mềm.
- (D) Mùa Xuân: Như chim ó hóa sanh làm chim Cưa (Tu-hú), chuột đồng hóa sanh làm chim võ dẽ; mùa Thu: như chim sẻ vùi mình xuống mé biển hóa sanh làm con sò, con chim trĩ vào dưới nước biển hóa sanh làm con thần (ốc tù-và) Hoặc con sâu mọc cánh hóa sanh làm con Bướm, hoặc con bướm rụng cánh hóa sanh lại làm con sâu v.v... Các loại này thì cái tướng sơ sanh của nó là như miếng thịt cứng.



Chúng sanh từ vô thủy lại nay, hoặc nơi tình làm biến ra tưởng, hoặc nơi tưởng biến làm ra tình, hiệp đổi làm ly, ly biến thành hiệp v.v... thay lẫn với nhau mà biến đổi (luân hồi) mỗi mỗi chẳng đồng.

Giữa thai-sanh, thân trung-ấm đối với

<p><i>chỗ vô duyên thì nó thấy chỉ toàn là tối đen.</i></p>		<p>Thân trung-ấm trai thấy cha thì ghét,</p>
<p><i>hành dâm, thì nó đem ái-niệm đầu thai : —</i></p>		<p>Thân trung-ấm gái thấy mẹ thì ghét,</p>
<p><i>chỗ có duyên nó thấy ánh lửa dục kia đìng —</i></p>		<p>Thân trung-ấm trai thấy mẹ vọng tưởng là vợ } Trung-ấm gái thấy cha vọng tưởng là chồng }</p>

Đến đó, thân trung-ấm nó tăng-trưởng-cái ái-niệm lưu chú

Đến đó, thân trung ấm nó tăng trưởng cái ái niệm lưu trú hít vào tinh cha huyết mẹ (đến đây thân trung ấm diệt) nạp làm thai chùng (là thân hậu ấm). Nên luận Du già nói: “Nhân ái vi chùng, nạp tưởng thành thai” (nhân cái yêu làm giống, nạp lòng tưởng nên thai. Yêu: trung ấm trai thấy mẹ thì yêu, trung ấm gái thấy cha thì yêu; Tưởng: trung ấm gái tưởng cha là chồng, trái lại, tưởng mẹ là vợ. Và nó tự tưởng chính nó hành dâm v.v... chứ nó không còn thấy hay tưởng là cha hay mẹ gì nữa, nên kinh nói tối sơ một niệm điên đảo; tối sơ: là lúc bấy giờ đây; điên đảo: là với kẻ sắp làm cha mẹ nó, mà nó lại tưởng làm vợ làm chồng nó, để mà hành dâm như thế, nên nói là điên đảo là ghét yêu.

Giải bài kệ dấy khen niệm Phật

Bài kệ đây rút ra ở sách Tịnh độ tu chứng nghi, tác giả là ngài Trạch Anh pháp sư, Pháp sư nguyên con nhà họ Du, ở Sông-đồng, huyện Đồng lô, phủ Nghiêm châu, tỉnh Chiết giang. Thân mẫu ngài nằm mộng thấy hai mặt nhật dội vào bụng, sau hai năm, sanh hai con trai, lớn lên đều đi xuất gia cả, người lớn tên là Tử Khâm, theo thụ nghiệp nơi chùa Tịnh trú, huyện Tiến đàng, tỉnh Chiết giang, thứ nam tức là ngài Trạch Anh vậy. Vào học đạo nơi chùa Thụ Minh, phủ Hàng Châu, tỉnh Chiết giang. Triều vua Thần Tông, trong niên hiệu Hy Ninh (1068-1077 nhà Tống), Ngài tham cứu lễ thần ngộ nơi lầu thí thủy bửu các, ngộ sâu được đạo lý của pháp Chỉ quán.

Khảo duyệt lễ Phật tánh bát nhị nơi bộ Kim bài luận cả vài tháng mà không hề nằm nghỉ. Sau đương nơi đức tạng họ Hồ Lễ dựng một ngôi tự viện để rước pháp sư về ở, mở lớn hội pháp thí. Thuở tuổi già, ngài dạo chơi các nơi: phủ Hàng Châu, huyện Tử thủy, phủ Tô châu, và phủ Hồ châu. Đến niên hiệu Nguơn phù thứ II (1098, vua Triết Tông đời Tống), mùa Xuân ở nơi chùa Tường phù, phủ Hàng châu, một bữa nọ, pháp sư dựa ghế, hướng mặt về Tây, tụng kinh A Di Đà rồi một quyển mà qua đời. Trước ngài có chép sách “Tịnh độ tu chứng nghi” và sách “Biện tây phương thứ đô nhị chủng quán môn” để khuyên đời chuyên tu tịnh nghiệp.

ĐÂY BÀI KỆ

A Di Đà Phật thân màu vàng

Tướng tốt rực rỡ không ví sánh

Lông trắng đoanh xoay năm núi cao

Mắt thanh lông lánh bốn bể lớn

Bốn câu ấy tán thán cái Báo thân của đức Di Đà tướng tốt không ai sánh kịp. **A Di Đà**, dịch: Vô Lượng Thọ; Lại dịch: Vô Lượng Quang. **Thọ**: tiêu biểu về nghĩa bất sanh bất diệt của Phật tánh. **Quang**: để tỏ về nghĩa tròn soi mười phương của Phật trí. Trọn thể của Phật thân như quả núi bằng vàng đỏ tía, tia sáng suốt xa đến mười phương, không chi làm ngăn ngại được. **Tướng tốt**: như Quán kinh nói: “Thân của Phật Vô Lượng Thọ có tám muôn bốn ngàn tướng hảo, trong mỗi mỗi tướng đều có tám muôn bốn ngàn theo tướng nào có vẻ đẹp nấy, trong mỗi mỗi vẻ đẹp đều có tám muôn bốn ngàn tia sáng, mỗi mỗi tia sáng khắp chiếu các chúng sanh niệm Phật ở rải rác nơi thế giới mười phương, đều thấu

nhận tiếp dẫn chẳng bỏ sót. Nhấn đến trong hào quang hiện ra nhiều đức Hóa Phật, không thể kể nói cho đủ hết đặng.

Vô đẳng luân: Không sánh ví, rằng thân Phật tướng hảo, không ai đồng bực có thể sánh ví đặng.

Bạch hào: Lòng trắng, mọc ngay trên sóng mũi mà chính giữa hai chận mày của Phật A Di Đà, nó xoay chiều qua phía hữu xoắn xít lớn như năm hòn núi Tu-di: Núi Tu-di bề sâu từ mặt biển sấp xuống là tám muôn bốn ngàn do tuần, lại từ mặt biển nhần lên tới đỉnh là cũng tám muôn bốn ngàn do tuần (có ba hạng: tiểu do tuần 40 dặm; trung do tuần 60 dặm; đại do tuần 80 dặm), bề chạy giáp vòng núi cũng thế.

Thế, chỉ một tướng tốt còn vậy, huống chi cả tám vạn bốn nghìn tướng nữa, thì có thể nghĩ bàn được ư !?

Cám mực: Mắt thanh. Cám: xanh đậm. **Tứ đại hải:** bốn biển lớn, tức là biển lớn chạy vòng ngoài bốn mặt núi Tu-di. Dưới biển cỡ mà cực sâu rộng, tuyệt không sinh cấu, nói là trong thanh, là nói đức Phật kia, mắt rộng mà màu xanh đậm lóng lánh trong như biển. *(thế giới đây, chính giữa biển lớn có núi Tu-di, ngoài bốn mặt có biển lớn bao vây, ngoài biển có núi Luân vì bao bọc vây quanh bốn đại bộ châu, núi Luân vì, đường trục cánh xuất Nam bắc gồm có một trăm ức lẻ bốn vạn hai ngàn một trăm hai mươi bốn do tuần, đường trục cánh từ Đông qua Tây cũng vậy. Đức Phật kia con mắt lớn cũng như thế).*

Xét: Đức Thích Ca Ứng thân một trượng sáu thước, lòng trắng giữa chận mày tám khía, trong tòng phỗng, trắng như tuyết phau, dài một trượng năm thước, xoay chiều phía hữu chu vi năm tấc.

Còn như Báo thân của đức Thích Ca, lòng trắng xoay bên hữu ba trăm sáu chục muôn dặm, cùng với một quả núi Tu-di cách nhau không mấy.

Song, cõi kia cõi đây, hai Phật lớn nhỏ sai khác nhau có như thế chẳng? Chỉ bởi, cõi kia là Tịnh độ, mà chúng sanh thì thân lượng rộng lớn. Còn cõi kia là Uế độ, nên thân lượng của chúng bé nhỏ chẳng đầy một trượng. Do đây, Phật hiện Ứng thân chỉ có một trượng sáu thước.

Nếu cõi đây, bực Đại Bồ tát chỗ thấy Báo thân của Phật cũng đầy khắp cả cõi hư không. Song, thế cũng không như định

có cái thân lớn bên nước Cực Lạc, mà đây là rõ cái thân lượng của đức Di Đà là đặc thắng vậy thôi.

**Hào quang Hóa Phật không kể ức,
Hoá Bồ tát chúng cũng không ngần.**

Đây là khen số Hóa thân Phật rất nhiều của Di Đà.

Trong hào quang có Hóa Phật, Hóa Bồ tát ấy, Quán kinh nói: “Phật kia hào quang vòng tròn rộng bằng như trăm ức đại thiên thế giới, trong ánh viên quang có trăm muôn ức na do tha hằng hà sa số Hóa Phật, mỗi mỗi đức Hóa Phật cũng có đông nhiều vô số hoá Bồ tát để làm thị giả.

Số là viên quang là hào quang nơi Báo thân của Di Đà, trong hào quang đức Hoá Phật là chủ, Hoá Bồ tát là bạn. Nghĩa là một hoá Phật làm chủ, thì ắt có hai hoá Bồ tát làm bạn. Chủ đều là Di Đà bạn đều là Quan Âm, Thế Chí.

Song, viên quang đây khắp chiếu pháp giới, mà Hóa chủ Hóa bạn cũng khắp pháp giới, chủ lẫn với bạn, bạn lẫn với chủ, Báo thân Phật là chủ giữa chủ, báo thân Bồ tát là bạn giữa chủ, các đức Hóa Phật làm chủ giữa bạn, các Hóa Bồ-Tát làm bạn giữa bạn. Chủ bạn lẫn khắp, số một không ngại với số nhiều.

Tỷ như lưới ngọc xanh của Đế Thích: ánh tia chiếu lẫn với nhau trùng trùng vô tận tận. Người mà tu pháp quán đây, mời xem kinh Thập Lục quán.

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh

Chín phẩm đều khiến lên ngàn kia.

Câu trên là tán dương chỗ nhân địa của Phật kia phát nguyện. Câu dưới là khen ngợi việc độ sanh trong thời chứng quả Di Đà.

Kinh Đại Di Đà chép: Trước vô lượng vô số kiếp, có đức Thế Tự Tại Vương Phật ra đời hoá độ chúng sanh. Bấy giờ có vị Đại Quốc vương đến nghe thuyết pháp, bỗng liền giác ngộ, bèn buông xả ngôi vua mà xuất gia làm Tỳ kheo, hiệu là Pháp Tạng. Liền đối trước Phật phát bốn mươi tám nguyện lớn. Thuở ấy quả đại địa rung động, trên thiên không mưa hoa báu xuống, và có tiếng khen rằng: “Quyết định thành Phật”.

Do đó từ vô lượng kiếp đã hành Bồ tát đạo, công đức tròn đủ, thành Phật hiệu là A Di Đà, cõi nước tên là Cực Lạc. Trong nước có ao bằng thất bửu, nước ao có tám chất công đức đầy đầy ở trong. Trong ao có hoa sen nhiều đến vô lượng phẩm, ở đây nói chỉ

có chín phẩm đó, là cử tổng số vậy. Thân nạp, hoá sanh cho chúng sanh niệm Phật ở mười phương về đó, tùy căn cơ mà lên nơi chín phẩm.

Ngàn kia là dụ, nghĩa là cõi Ta-bà là bờ bên đây, cõi Cực Lạc là bờ bên kia, phiền não giòng chính giữa. Nếu hay niệm Phật, không luận là bậc trí, hạng ngu, chỉ niệm mà đắc nhưt tâm bất loạn, thì qua khỏi giữa giòng phiền não, siêu khỏi cái thân sanh tử của ta-bà, bước lên đài hoa sen Cực Lạc chứng quả vô thượng Bồ đề, nên nói “Cửu phẩm hàm linh đẳng v.v.....”

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.

Nam mô A Di Đà Phật.

Từ trước đến đây, với bao công đức đã tu, giờ đây phải niệm Phật Di Đà để cầu thực chứng.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát.

Quán Thế Âm: Cũng tên là Quán Tự Tại: “Quán” là cái trí năng quán, năng và sở viên dung, có không gồm sớng, chiếu tột chánh tánh, xét thấu gốc ngọn, nên xưng là “Quán”.

“Thế Âm” là cảnh sở quán, muôn hình tượng lưu động, cách biệt nhau chẳng đồng, tiếng của các loài kêu cứu khác giọng, đều nhờ đức hoàng tử, đồng thời phổ cứu, nên nói là “Thế Âm”.

Ngài Trần Huyền Tông nói: “Quán có chẳng trụ nơi có, quán không chẳng trụ nơi không, nghe danh chẳng lâm nơi danh, thấy tướng chẳng chấp nơi tướng, tâm chẳng lay động, cảnh chẳng hay tùy, động tùy chẳng loạn nơi chân, thế khá gọi rằng trí huệ vô ngại vậy Bồ tát cái vô ngại trí để tầm thỉnh cứu khổ, chẳng mất thời giờ”.

Thế nên xưa nay những kẻ được sự linh nghiệm chẳng thể mỗi mỗi riêng kể ra cho hết đặng, đây chỉ sao lược lại một vài tích để khai thị ra:

Đời nhà Ngụy, có Sư Đạo-Thối nằm mộng thấy có người bảo rằng: “Ngươi năm nay 42 tuổi sẽ thọ chung”. Năm đó, ông bị bệnh nặng lắm, ông bèn niệm danh đức Quán Thế Âm luôn bốn ngày bốn đêm, lòng tinh thành chẳng thôi, bấy giờ ông ngồi trong phòng, thấy có hào quang chiếu sáng cả nhà, trong ánh sáng có đức Quán Thế Âm màu vàng rỡ soi giây phút chẳng thấy nữa, ông Thối vừa bi vừa hỷ, tuôn mồ hôi, liền biết thân thể nhẹ khoẻ, lành bệnh, thêm sống lâu!

Đời nhà Tống, có ông Trương Hưng, người đất Tân Hưng người vẫn tin Phật, một hôm bị bọn cướp bắt dẫn đi, người may đang trốn khỏi; người vợ bị quan địa phương bắt giam, bị tra tấn nhiều ngày, bữa nọ nhà huyện bị hoả hoạn, đem tù nhân ra ở bên đường, gặp một nhà sư tên là Dung Dục đi qua, vợ Trương cầu cứu! Nhà sư dạy niệm đức Quán Thế Âm, vợ Trương bèn chuyên ròng niệm chừng mười ngày, ban đêm nằm mộng thấy thầy Sa Môn kêu: Mau mau! Thức dậy! Vợ Trương giựt mình dậy, thì thấy cồng xiềng gông cùm đều bung mở ra cả, mà ngõ còn đóng, người e quân canh biết, nên mang gông trở lại năm ngủ. Vẫn chiêm bao lại nữa, thấy Sa môn nói: Ngõ đã mở rồi kia. Vợ Trương thức giấc rồi chạy ra, trời còn tối, gặp chồng cùng với sư Dung Dục giấu đi, kẻ được thoát khỏi.

Đời nhà Tống, vua Văn Đế sai quan Ngự Thiện (người nấu ăn cho vua) mổ con gà, nghe trong đánh có tiếng cả bày kêu tên đức Quán Thế Âm Bồ tát, mà giọng rất thảm thương! Nhân đó vua bèn cấm không cho làm thịt gà nữa.

Đời nhà Thanh, ở huyện Thường thực, phủ Tô Châu tỉnh Giang Tô, có bà Sương Phụ, họ Trương, người rất cùng khổ, lòng chí thành thờ Đức Quán Thế Âm, niệm Phật, lạy Phật không ngớt, sau bị bệnh hạ lợi, thường chỉ có một cái quần rách che thân, chớ chẳng có cái nào nữa để thay đổi, nên ô uế lắm, kẻ chết, kẻ đem liệm cái quần bỏ dưới sông, người ta chợt thấy hoa sen năm màu rực rỡ trên mặt nước, người bên xóm thấy thế lấy cái quần giặt sạch làm bức trướng. Đền niên hiệu Gia Khanh (1786-1789) vua Khân Tôn nhà Thanh bức trướng ấy hỡi còn.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát.

Kinh Tư ích chép rằng: “Hễ cái chơn bước đến chỗ nào đó, là rúng động ba ngàn cả ngàn thế giới và cung điện của Thiên Ma vương, nên gọi là Đại Thế Chí”.

Quán kinh nói: “Dùng ánh trí khắp soi tất cả chúng sanh, khiến lia tam đồ, đắc thế lực vô thượng. Thế nên gọi Bồ tát đây tên là Đại Thế Chí,

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải chúng Bồ tát

Do cái niệm Phật thanh tịnh cảm được hoa sen hoá sanh, nên nói rằng “Thanh tịnh”. Những đấng cả ba thừa sanh lên chín phẩm, các Thánh Hiền này nhiều đến vô lượng, gọi là “Đại hải chúng”.

Kinh Đại Bồn chép rằng: “Với các hàng Thanh văn, Bồ tát, số ấy khó lường, chẳng thể cân, nói cho hết được! Vị nào cũng là bậc thần trí rộng thông, uy lực tự tại, có thể với trong một bàn tay, mà cầm tất cả thế giới. Phật kia hội ban đầu thuyết pháp, chúng Thanh Văn rất đông, không thể cân kể, chúng Bồ tát cũng thế”.

Kinh Tiểu Bồn nói: “Đức Phật kia có đệ tử hàng Thanh văn nhiều đến vô lượng vô biên, mà đều là quả vị A la hán, với số ấy, không thể tính kể mà biết được đâu”. Thế nên xưng là “Đại hải chúng”.

Hỏi: Chúng kia sao mà nhiều lắm thế?

Đáp: Chúng ở bên cõi kia đã vốn xưng là vô lượng, huống nữa các Bồ tát từ mười phương vãng sanh về nước kia lại còn nhiều như luồng mưa điểm điểm xuống. Nên kinh Đại Bồn nói: “Ở nơi nước Ta-bà đây có các Bồ tát bậc bất thối, nhiều đến số sáu mươi bảy ức được vãng sanh về nước kia. Mỗi mỗi Bồ tát đã từng cúng dường vô số chư Phật. Bực thứ như ông Di Lạc đó, hạng đại hạnh Bồ tát chẳng khá cân kể, đều sẽ được vãng sanh”.

Kinh ấy lại nói: “Mười phương thế giới, vô lượng Phật quốc, những kẻ vãng sanh đó, cũng lại nhiều đến vô số; còn nếu ta nói đến cả danh hiệu của chư Phật ở mười phương, và danh hiệu các Bồ tát, Tỷ kheo được vãng sanh về nước kia, thì suốt ngày đêm luôn một kiếp đi nữa, nói cũng không hết !?”.

Văn Hồi hướng và Tam quy y để làm phổ kiết hồi hướng.

Hồi hướng: Cũng như phát nguyện vậy. Bởi vì: Hạnh mà không nguyện, thì chí hướng chẳng như định, như người ra đi mà không như định nguyện, thì giữa đường gặp chuyện chi đó lại đi qua ngã khác. Với nguyện hải đã thâm, thì Hạnh đầy Đạo nên. Nên hễ tu hành thì thấy đều phải hồi hướng.

Hồi hướng có bốn nghĩa:

1.Hồi nhân hướng quả: Nghĩa là tu các hạnh là “nhân”, đều hay thành Phật là “quả”. Nay tu nhân Tịnh độ, hồi hướng về quả Cực Lạc, thực vậy.

2.Hồi tiểu hướng đại: Nghĩa là các học giả bên Tiểu thừa, và kẻ tu thập thiện về Nhân thiên thừa, đều nên hồi hướng về Đại thừa. Nay đây ngay nơi chỗ ra làm việc thiện, đều hồi hướng về đài sen thượng phẩm, thực thế.

3.Hồi tự hướng tha: Nghĩa là ta nay phát tâm, chẳng vì mong cầu cho mình, hẳn đến làm được điều thiện nhỏ nhưt bằng

sợi tơ mây lông, cũng đều hồi hướng thí cho pháp giới chúng sanh, khiến được liền khai Phật huệ, rộng độ chúng sanh, thực vậy.

4.Hồi sự hướng lý: Nghĩa là tu các việc: Lạy Phật, tụng kinh, tham thiền, học nghĩa, bố thí, làm phúc, thay chúng làm việc, nhần đến gánh nước, bửa củi, quét đất, lau bàn, cả các việc lành bằng mây mùn; với những điều thiện lợi trên, nếu trước tướng thì đều thuộc về sự tướng, còn như biết năng niệm năng tác, tự tánh đã không, sở niệm sở tác, tánh nó cũng không, cái “không” nó chẳng có bờ mé, toàn tức là lý, thì sự sự đều khắp pháp giới, tâm tâm tròn bọc thái hư, quán và niệm được như thế, thì đều thuộc về lý tánh. Chính là chỗ mà xưa kia đã bảo rằng: Điều thiện về sự hữu tướng, lẫn thành điều thiện về lý vô tướng, sự lý viên dung, tức là cái cảnh tam đế; năng niệm năng tác, tức là cái tâm tâm quán, tâm cảnh nhưt như, là chân tịnh độ.

Ngó nhân việc tác dụng hằng ngày, nào động nào tịnh, đều phải làm quán sát như thế đó, thì chính chỗ mình đương ở đã thành ngay tự tâm Tịnh độ rồi!

Và, người mà muốn liễu thoát đường sanh tử, thì chỉ có tu pháp Tịnh độ là rất ổn thoả, rất dễ dàng hơn hết, vì pháp ấy là loại phương tiện trong đã phương tiện, lại đường tắt trong đã đường tắt vậy.

Song, ắt phải đủ ba món tư lương mới đặng thành tựu. Tỷ như cái đánh có ba chân, nếu thiếu một thì chẳng thể đứng vững:

1. Là tin, tin mình: thì chỉ nhớ Phật niệm Phật, chẳng kịp hiện nay thì sau này cũng ắt đặng thành Phật, tức nhiều tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ sẵn sẵn rõ bày. Tin kia: thì phương Tây hẳn thực có thể giới tên là Cực Lạc, hẳn thực có Phật hiệu là A Di Đà, chứ chẳng phải bằng cách ngụ ngôn như của Trang Sanh kia, cũng phi có bằng cách như hoạn hoá biến hiện chẳng thực nọ đâu. Nếu người niệm Phật mà hay nhưt tâm chú niệm, đến khi mạng chung, Phật và các Thánh chúng ắt đến tiếp dẫn.

Hai hạnh, có bốn, đều so theo sự lý, để rõ sâu cạn: một trì danh niệm Phật: gìn giữ danh hiệu của Phật mà niệm, niệm một cách chuyên chú không xen một niệm chi khác, mỗi câu mỗi câu từ trong tâm miệng chảy ra, mỗi tiếng mỗi tiếng từ tai chảy vào, được như vậy tức là đắc sự nhưt tâm. Nếu khi đã nhưt tâm, không còn phân biệt năng niệm sở niệm, mà có thể mỗi câu mỗi câu rõ ràng, mỗi tâm mỗi tâm vào vắng lặng, nhần đến cái “không niệm”

cũng không còn, được như vậy tức đắc lý nhưt tâm. Hai Quán tượng niệm Phật: Khi mở mắt, chăm tinh thần quán vào tượng Di Đà, miệng xưng hiệu Phật, tâm không duyên qua cảnh nào khác, không xen niệm chi khác, được như thế tức là sự nhưt tâm. Khi quán, khi chẳng quán, tâm và tượng như một, chẳng dời chẳng động, và quán cảnh khác đều hòa lẫn cảnh Phật: được như vậy, tức là lý nhưt tâm. Ba Quán tưởng niệm Phật: nương theo kinh thập lục quán, như ban đầu quán mặt nhật khi sắp lặn về tây, mở mắt quán mặt nhật, dường như cái trống treo, đã đặng rõ rồi, liền nhắm mắt quán, chăm tâm chẳng dời, lăm lăm chẳng dời xê đi đâu, như vậy là tức sự nhưt tâm. Chú tâm tưởng thuần thực, đi, đứng, nằm, ngồi, đều đặng nhưt như, tâm với mặt nhật rõ bày, như thế là tức lý nhất tâm. Bốn Thực tướng niệm Phật: với cái chẳng tướng, chẳng tướng là tướng, bèn gọi là thực tướng, với trong quán cái tâm không, với ngoài quán Phật không, một cái này không, thì tất cả chi chi cũng không, cái tánh không cũng không, như thế tức gọi là thực tướng. Người mới phát tâm tu quán, thì quán trở lại rằng: niệm Phật đây là ai? Hoặc từ nơi bốn tánh để xét nghiệm, đều chỉ nơi đương niệm tham cứu, mỗi niệm tinh mật, nhắm đến với: động, tịnh, chẳng dời, như thế là tức sự nhưt tâm. Từ đó niệm vào nơi vô niệm, ba quán một tâm, không niệm mà niệm, một tâm ba quán, ba một chẳng hai, chẳng hai mà hai, diệu đế viên dung, tức là tự tánh Di Đà, duy tâm tịnh độ. Đương thể suốt rõ, chẳng khá nghĩ bàn, như thế là tức lý nhưt tâm. Thế gọi là cái hành tướng cả sự và lý của bốn thứ niệm Phật.

Ba nguyện: chí có chỗ muốn vậy. Cái Nguyện nó hay dẫn đường đi là Hành, không nguyện thì cái Hành thối lui vậy. Thế người cầu tịnh quả, phải trước phát nguyện, song với nguyện có chẳng đồng nhau, vì có kẻ nguyện một mình được siêu mà chẳng độ kẻ khác, có kẻ nguyện tự mình đắc vãng sanh rồi trở lại độ chúng; có kẻ nguyện ngay nơi đây vừa độ mình, vừa độ người đồng sanh về Cực Lạc; nay đây cả các thiên (Bà) đều là nguyện cho mình và nguyện cho người, khắp cả đồng đắc Cực Lạc tịnh quả.

Bốn thứ niệm Phật, cả sự lý hành tướng, đều thuộc về phạm vị. Nếu luận về chỗ chứng thánh: thì bên Viên giáo, bậc thập tín đều thuộc về sự niệm; đến bậc sơ trụ hẳn đi, mới là lý niệm.

Đây, bài kệ phát nguyện hồi hướng của Đại từ Bồ tát:

Mười phương ba đời Phật, A Di Đà thứ nhứt, chín phẩm độ chúng sanh, uy đức không cùng tột.

Ấy là riêng tán thán đức A Di Đà vậy. Công đức của chư Phật thấy đều bình đẳng, mà đây là do đức Di Đà có đại nguyện đối với chúng sanh ở cõi này, nên riêng chuyên khen điều tốt đó thôi.

Lại Ngài có công đức riêng nhiều với chúng duyên đời ngũ trước mười phương. Nhân đến đũa đồng ấu cũng được biết đến tên Ngài, bởi thế, với cái công tu niệm Phật, cả ba căn đều đặn chỉ trong nhứt sanh xong nên, nên nói là đệ nhứt. Đem trí phá bầy mê trong pháp giới nên uy đức không cùng.

Đem đức từ trùm chúng sanh mười phương, nên đức không cực.

Con nay cả quy y, sám hối tội ba nghiệp hễ có các phúc thiện, chăm lòng dùng hồi hướng.

Hai câu trên là nói quy y và sám hối. Hai câu dưới là nói các hạnh hồi hướng. **Ba nghiệp**: tức là thân, khẩu và ý đã tạo ra mười điều ác, nay do quy y Phật, nên đều phải sám hối.

Hễ có các phúc thiện: có riêng nhau là định thiện và tâm thiện. Như niệm Phật là định thiện; còn như tham thiền, lạy Phật, tụng kinh, bố thí, cúng dường, nhân đến vì chúng tăng mà giữ gìn, làm việc lao động, thì đều gọi là tán thiện. Định và tán hai thiện đều có thể hồi hướng về tịnh độ. Tỷ như trăm sông đều dồn về nơi biển.

Nguyện đồng người niệm Phật, đều theo thời ứng hiện lâm chung cảnh phương tây rõ ràng ở trước mắt.

Hai câu trước là nói: cùng bạn đồng nghiệp niệm Phật được theo giờ cảm ứng hiệu nghiệm. Hai câu sau là nói: đến khi ta lâm chung, được Phật tùy cơ mà hiện tướng ra cho ta trông thấy.

Tùy thời hiện: là hoặc trong khi ta thiền định được thấy Phật, hoặc trong khi nằm mộng được trông thấy Phật; hoặc mở mắt, hoặc nhắm mắt, đều được trông thấy Phật. Như ngài Huệ Viễn đã ở ba lần thấy nước Cực Lạc và thánh tướng của đức Di Đà vậy.

Phân minh tại mục tiền: là tâm niệm Phật được tinh nhứt, thì cảnh tốt Cực Lạc tự nhiên đầy đủ trước mắt ta khi sắp cuối cùng.

Thấy nghe đều tinh tiến đồng sanh nước Cực Lạc thấy Phật hết sanh tử, như Phật độ tất cả.

Hai câu trên nói: khi ta lâm chung có Phật hiện đến tiếp dẫn, nên kẻ thấy người nghe tinh tấn lợi ích; Hai câu dưới là nói: khi ta đã giải thoát rồi, đi độ sanh. Số là những người niệm Phật, đến khi mạng chung đều tự thấy Phật đến đón rước đó, thì lại bội phần tinh tiến, liền được đồng sanh về nước Cực Lạc đặng thực thấy chân Phật (lâm chung thấy đó là hoá Phật): tự tâm liền mở trí huệ Phật rồi lại như Phật quảng độ chúng sanh.

Dứt vô biên phiền não, tu vô lượng pháp môn, thệ nguyện độ chúng sanh trọn nguyện thành đạo Phật...

Đây là tâm dấy bốn thệ nguyện rộng lớn vậy.

Cõi hư không có hết, tâm nguyện con không cùng.

Đây là kết cái lời nguyện vô cùng tận vậy. Hư không nguyên là vô tận, nay đem cái hư không vô tận, để tử cái nguyện ta lại vô cùng vô tận!

Xin dịch luôn “văn tửu tịnh độ”.

Tác giả là Từ Vân Sám chủ Tuân Thúc Pháp Sư đời Tống.

Ngài Tuân Thúc Pháp Sư, tên tự là Tri Bạch, con nhà họ Diệp, huyện Ninh Hải phủ Thái Châu (nay là huyện Lâm hải tỉnh Chiết giang) nguyên thân mẫu cầu tự khát nơi đức Quan Âm, nằm mộng thấy một mỹ nữ lấy viên châu đưa cho nuốt. Đã sanh sự được bảy tháng, thường theo xưng niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm, khi vừa lớn lên, qua núi Thiên thai đông dịch, y chỉ nơi ngài Nghĩa Toàn pháp sư mà xuất gia. Năm lên 20 tuổi qua chùa Đông Thiên thụ giới cụ túc. Qua năm sau tập học luật nơi Ngài Thủ Sơ luật sư. Kế vào chùa Quốc Thanh, đối trước tượng đức Phổ Hiền đốt một ngón tay thay vì nén hương để cúng dường, phát lời thệ nguyện truyền bá giáo đạo của Thiên Thai Tông. Rồi đến tham học ngài Bảo Vân. Từ đây đi các chỗ hoằng kinh chưa hề xen nghỉ. Sau qua nước Thiên trúc soạn chép các bản nghi thức: Tịnh độ sám kim quang minh tam muội, để tự tu đó, rất có linh nghiệm, Đức hạnh đồn nghe thấu đến triều đình, vua Chân Tôn niên hiệu Càn Hưng năm thứ hai (1.022) nhà vua phong hiệu là Từ Vân. Qua niên hiệu Minh Đạo năm đầu (nhân thân, vua Tống Nhân Tôn 1.032) Ngài Từ Vân thị tịch. Vua Anh Tôn niên hiệu sùng minh năm thứ hai (1.064-1.066) được nhà vua truy phong là Pháp Bảo

đại sư. Vua Cao Tôn niên hiệu Thiệu Hưng thứ hai (1.132) xuống lời chiếu phong hàm ân là sám chủ thiên huệ pháp sư.

Đây bài “Nhứt tâm quy mạng”.

Một tâm cú lạy đức A Di Đà Phật bên thế giới Cực Lạc.

Đây là nghiêng mình quy y (lạy) đức Phật kia vậy. Nếu muốn cầu sanh về Cực Lạc, trước phải thâm tóm sáu căn, với ngoại cảnh, năm thức trước chẳng duyên theo, với nội tâm, ý thức không tán loạn, gọi là nhứt tâm. Nhứt kỳ quả báo, gọi là thọ mạng, với cái thọ mạng thì người ta ai cũng khó xả ra được, thế mà may người tu niệm Phật chẳng cung tiếc đến, duy nhứt tâm đem thân mạng quy y về Phật kia, đề cầu chứng lên quả vô thượng bồ đề mà thôi.

Xin đem ánh tịnh soi con, thệ từ thâm con.

Đây là câu Phật đem ánh tịnh quang và lời từ thệ soi và thâm này vậy. **Tịnh Quang:** Phật kia ngài có cái ánh trí căn bản vốn tự thanh tịnh khắp soi pháp giới. **Từ thệ:** là bốn mươi tám lời thệ nguyện của đức Di Đà. **Nhiếp ngã:** thâm con, là thâm nạp mà chiếu cố đến con.

Chúng ta ai cũng do từ vô thi bị phiền não nó kết thành nghiệp chướng đã quá ư lâu chắc, phi cầu Phật quang Từ thệ ngậm giúp thêm cho, thì tự mình đâu có thể dẹp dứt được, nên duy nhứt phải nguyện cầu.

Con nay chính niệm, xưng danh Như Lai, vì đạo Bồ đề cầu sanh tịnh độ.

Đây là rõ cái lý do cầu Phật vậy. Niệm Phật mà tiêu được tạp niệm là chính niệm. Ôi! Hễ là về lẽ phiền não, thì rộng với sanh tử, nên khổ báo vô cùng! Hễ là về lẽ Bồ đề thông vào quả vô sanh, hưởng vui màu khó nghĩ được! Muốn đến quả vô sanh, ắt phải do con đường đây. Sao vậy? Số là công phu của các hạnh tu kia, tỷ như con kiên từ đất bằng bò lên đánh núi cao. Còn tu pháp niệm Phật vãng sanh, tựa hồ trương buồm thuận gió lại đi giòng nước xuôi. Trong kinh Di Đà đã chỉ rõ niệm Phật bảy ngày đắc nhứt tâm bất loạn, liền có thể hiện đời dùng chứng quả, dầu đời nay chẳng đặng nhứt tâm, thì đời kế đó, hoặc đời thứ ba cũng ắt sanh tịnh độ. Người mà có thể điều nhiếp được sáu căn, lấy cái tâm pháp giới, niệm Phật pháp giới, thế Phật duy tâm, mà tâm tâm cũng duy Phật, thì cảnh tịnh độ, đâu phải rời ngoài gang tấc ư?

Phật xưa đã thệ: “Nếu có chúng sanh, muốn sanh nước ta, chăm lòng tin ưa, nhẫn đến mười niệm, bằng chẳng vãng sanh, ta không thành Phật”.

Đây là cử lên nhắc lại lời nguyện xưa của Phật để cho chúng sanh tin chắc vậy.

Bổn thệ: Thuở xưa, hồi Phật còn làm quốc vương, hy sinh ngôi nước, xả bỏ vinh hoa, đi tu làm vị Tỳ kheo, tên là Pháp Tạng, đối trước Phật Thế Tự Tại Vương, phát bốn mươi tám lời thệ nguyện, để rộng độ chúng sanh, đồng sanh về Cực Lạc. Nay dẫn lại lời thệ nguyện trên đó, tức là nguyện thứ mười tám vậy.

Chí tâm: Chăm lòng. Là hoặc niệm Phật bằng cách niệm một đời không xen hở: hoặc niệm bằng cách kèm theo công việc xen tu: nhẫn đến ít nhất là đương khi công chuyên lặn độn mà lên tạm rảnh ra vài phút để niệm, mỗi ngày niệm lấy số mười niệm, ắt đặng vãng sanh.

Sở dĩ ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Người mà mỗi ngày chí tâm mười niệm, nếu chẳng vãng sanh, thì ta Pháp Tạng này trọn thành nguyện dối rồi, làm gì chúng ngôi chánh giác ư?”.

Thập niệm: Mười niệm, tức là mười hơi niệm Phật. Nghĩa là tùy cái hơi hoặc vấn hay dài, cứ hết một hơi (niệm đặng mấy câu cũng được) là một niệm, như thế, niệm mười hơi gọi là mười niệm, nhưng, mỗi câu tùy tiếng và hơi thốt ra nơi miệng nghe vào nơi tai, chăm chú nơi tâm chẳng rời là cốt yếu, vậy là đủ mười niệm tức mười hơi.

Với các hiệu: Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh đại hải chúng mỗi hiệu niệm một hơi.

Niệm các Thánh Hiệu rồi, kể đọc bài hồi hướng văn, hoặc đọc bốn câu: Nguyện sanh tây phương tịnh độ trung v.v... cũng được.

Chánh giác: Tức là Phật vậy. Chính bởi pháp niệm Phật đây, khắp hợp cả ba căn, đều là nguyện hạnh của đức Pháp Tạng cảm thông nên có thể chí tâm chóng hiệu nghiệm như thế.

Do nhân duyên niệm Phật đây, đặng vào trong biển thệ nguyện lớn của Như Lai. Vãng sức từ của Phật, các tội tiêu diệt, căn lành thêm lớn. Nếu đến mạng chung, tự biết giờ đến, thân không đau khổ, tâm chẳng tham tiếc, ý không điên đảo như vào thiên định.

Đây là công niệm Phật đã thâm, nên cảm được hiệu nghiệm vậy.

Câu đầu là vâng ý trên, để dấy nghĩa dưới. Từ Đắc nhập... nhãn xuống, đều nói sự cảm nghiệm. **Nhân duyên**: Chánh niệm là nhân, Phật tử là Duyên. **Biển đại thế** tức là bốn mươi tám nguyện lớn vậy.

Vì mỗi nguyện, nguyện nào giáp khắp pháp giới như biển rộng không bờ mé. Chúng ta hiện còn sống đây nếu hay tinh thành chánh niệm, thì cảm được Phật tử gia hộ, tiêu diệt các tội của ta, thêm lớn có căn lành cho ta, kịp đến khi ta sắp cuối cùng, được biết giờ phút sẽ đến, thân tâm thanh tịnh, như vào thiền định, đi thẳng qua Cực Lạc vậy.

Nếu người mà bình thời chẳng tu niệm, trọn đời, chỗ tạo các nghiệp đều khi mạng chung, thì cứ chỗ tạo nghiệp thế nào, nó hiện ra cảnh thế nấy, hễ cảnh phức tạp thì tâm tán loạn!

Lại, hoặc người trong nhà vì ân tình mà quyến luyến, làm cho ý thức của kẻ sắp từ trần phải điên đảo! Lại phương chi từ vô thi đến nay, những chỗ đã làm các tội, hoặc lúc này, chúng đều hiện ra, thì bấy giờ ai có thể làm chủ cho được? Thế tất phải tùy theo nghiệp cảnh đọa ngay xuống tam đồ! than ôi! thương thay!

Phật và các Thánh chúng, tay cầm đài hoa sen vàng, đến đón tiếp con, với chùng một niệm, sanh về Cực Lạc quốc.

Đây là cảm được Phật đến tiếp dẫn vậy.

Phật: là Hóa thân Phật của đức Di Đà. **Thánh chúng**: tức là Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và Thanh tịnh Đại hải chúng.

Số là người niệm Phật mà được chánh niệm thì duyên đời đã tàn tạ, duyên tịnh liền thành thực, với khi mạng chung, tự nhiên thấy chánh tay Phật cầm Kim đài, cùng các Thánh chúng, và tràng phan bay, âm nhạc của chư thiên, đồng đến nghinh tiếp, chỉ trong một niệm, liền về tới Cực Lạc.

Hỏi: hai cõi cách nhau có mười muôn ức thế giới, làm sao chỉ có trong một niệm, liền sanh sang được?

Đáp: cứ nói sự thì mặc dù là xa, còn so nơi lý thì chỉ tại một niệm, vì duy nhứt niệm, thì với mười vạn ức độ chỉ như một khoảnh móng vậy thôi.

Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa (Phật nói pháp), chóng mở Phật huệ.

Đây là hoa nở chứng được chân nhân vậy.

Hoa nở: hoa bồn tâm nở ra. **Phật thừa:** là nhứt Phật thừa, tức kinh Pháp Hoa, tỷ dụ xe đại bạch ngưu. **Phật huệ:** là quyền trí, thực trí của Phật, tức Kinh Pháp Hoa bảo khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật.

Số là với Cực Lạc: có thể mang nghiệp vãng sanh được; còn với các thế giới khác đâu đặng như vậy!

Song, với phẩm dị có chín bực: như bực Thượng - Thượng phẩm thì với khi mạng chung, liền tự thấy tự thân nương trên hoa hoa không xếp lại thấy được cái Báo thân của Phật tám muôn bốn ngàn tướng tốt, mỗi mỗi đều thấy đủ rõ ràng, rộng nghe Phật nói pháp về lý Phật thừa, liền mở mang Phật huệ (chứng quả Bồ đề, vô sanh nhẫn).

Còn tám phẩm kia thì chẳng được chóng chứng như thế. Như thượng trung phẩm, mặc dầu thấy được Báo thân của Phật, cầm hoa đến rước, tự thân của mình nương nơi hoa mà hoa nó xếp lại, cách một đêm hoa mới nở, liền nghe Phật thừa, lại cách bảy ngày, mới đắc quả Bồ đề. Lại cách qua một tiểu kiếp, mới chứng vô sanh nhẫn. Còn bao nhiêu nữa thì như bản đề (đã có ở Kinh A Di Đà).

Hỏi: Phẩm Trung Thượng và phẩm Trung Trung, thì khi người mạng chung người cũng tự thấy được Báo thân Phật đó thì sao?

Đáp: mặc dù được thấy Báo thân Phật, mà với các tướng tốt, thấy chẳng đặng đủ rõ, mãi đợi đến chùng hoa nở, sau khi nghe Phật thừa, thấy mới được rõ đủ.

Còn ba phẩm dưới, khi mạng chung dù có Hoá thân Phật cầm hoa đến đón, tự thân nương sau hoa, nhưng chẳng được thấy nghe Hoá thân Phật nói pháp mà chỉ thấy nghe các vị Bồ tát Quán âm v.v... thuyết pháp, đợi mãi đến khi nghiệp được tịnh, hoa mới nở, chùng đó mới thấy tướng tốt của Phật.

Hỏi: Khi hoa sen xếp lại, thân của người vãng sanh có phiền là chật hẹp không?

Đáp: Hoa là do nơi tự tâm hoá hiện, rộng lớn không ngăn ngại, song, nếu nghiệp của mình chưa thanh tịnh nên tự hồ có xếp lại, đối với diệu pháp của đức Chân Phật nói, tuy đợi đến chùng hoa nở mới được thấy đức Chân Phật (Báo thân của Phật Di Đà) và mới nghe được diệu pháp (Phật thừa của Báo thân Phật nói) mà

trong thời gian hoa chưa nở, cũng được tùy cơ thường nghe Hoá thân, của ba Thánh thuyết pháp.

Hỏi: Đã là nghiệp chưa thanh tịnh, thì sao có thể vãng sanh?

Đáp: Phật kia, có lời nguyện rộng lớn khó nghĩ được, và cái sức niệm của mình nó khích thiết, duyên đời đã hết, nên có thể vãng sanh.

Hỏi: Đã đời nghiệp vãng sanh, mà có khiến cho thân chẳng an không?

Đáp: Chẳng có đâu như cõi ta-bà đây, kẻ mang thân trời cũng hưởng thụ được cái vui hơn hết thay, huống chi có cái sức của Phật kia nhiếp trì, thắng hơn thân trời nhiều lắm, nào khá ví dụ?

Rộng độ chúng sanh, mãn nguyện Bồ đề

Đây là nguyện Bồ đề đầy đủ vậy.

Phật huệ đã mở, tức là chứng lên chân vị pháp thân của bậc Sơ trú Bồ tát, bực này đã có thể chia thân ra đi làm Phật cả trăm thế giới, để ứng theo căn cơ mà độ sanh.

Bực nhị trú thì phân thân ra nghìn thế giới v.v... bực tam trú thì phân thân ở muôn thế giới v.v....

Như thế cả bốn mươi một chân vị theo mỗi loại, hiện ra mỗi thân hình, ứng theo cơ mà nói pháp, mỗi vị gây bội lên. Đến bấy giờ chiếu lại lúc sơ tâm phát nguyện rằng: ta vì đạo bồ đề, cầu sanh tịnh độ đó, nay đến đây mới mãn được nguyện của ta, mừng thay khoái lắm!

Lại bài kệ nguyện sanh tây phương:

Nguyện sanh tịnh độ tây phương

Hoa sen chín phẩm là cha mẹ,

Hoa nở thấy Phật tổ vô sanh

Bồ tát bất thối làm bậu bạn.

Hoa sen làm cha mẹ: loài người ở cõi ta-bà đây đều là thai sanh, nghĩa là nghiệp thức của ta hợp với tinh cha huyết mẹ, ở trong bào thai mà sanh ra. Bên Cực Lạc chỉ có chín phẩm hoa sen, tịnh thức của ta tùy có gá vào thai sen mà sanh ra bằng cách biến hoá. Kêu là “Liên hoa hoá sanh” thế thơm sạch thay!

Tổ vô sanh: tức là chứng quả Vô sanh nhẫn: ngôi sơ trú bên Viên giáo, ngôi Sơ địa bên Biệt giáo nhẫn đi, đều là quả vô sanh nhẫn.

Bồ tát bực Bất thối làm hậu bạn: Đối với cõi Cực Lạc, nếu chẳng đặng vãng sanh thì thôi; mà hễ đã được sanh sang, thì đều là đồng bực Bất thối Bồ tát cùng làm bạn lữ với nhau.

Bất thối có ba bực, với nghĩa này đã rõ ở câu A Bệ Đạc Trí nơi kinh Di Đà rồi.

Xin chép và dịch bài thán:

Thán Lễ Tây Phương

Tán lễ tây phương - Kính lạy phương tây

Cực Lạc thanh lương - Cõi tịnh vui vầy:

Liên trì cứu phẩm hoa hương - Hoa sen chín phẩm thơm lây

Bửu thụ thành hàng - Vật báu hàng cây;

Thường văn thiên nhạc khinh tương - Trời thường trỗi nhạc vang dầy

Di Đà Phật - Hào quang Phật....

Đại phóng hào quang - Ánh sáng lớn thay!

Hóa đạo chúng sanh vô lượng - Chúng loại không lường độ hải

Giáng cát tường - Xuống điềm hay..

Hiện tiền chúng đặng ca dương - Bây giờ đạo chúng khen bày:

Nguyện sanh an dưỡng - Xin sang nước thầy

Hiện tiền chúng đặng ca dương - Bây giờ đạo chúng khen bày:

Đồng sanh an dưỡng - Đồng sang nước Thầy.

Bài kệ răn khuyên Đại chúng

Ngày nay đã qua, mạng cũng giảm theo, như cá thiếu nước, đây có vui chi !?

Đây là tham cái mạng của con người là vô thường!

Kinh Xuất Diệu chép rằng: biển nam bỗng sóng vọt tràn lên rất dữ ngập dầm lên đất liền. Bấy giờ có con cá lớn, trôi vào chỗ nước cạn, chúng tự bảo với nhau rằng “Chúng ta bị cái nạn đây, thì ngay khi nước tràn lan chưa giựt rút, nên phải ngược làn sóng để trở lại nơi biển cả, nhưng lại bị những thuyền ghe trở ngại, chẳng vượt qua được! Con cá thứ nhất rần hết sức nhảy vọt qua khỏi tàu; con kẻ đó lại nương cỏ rêu để lướt qua được; con thứ ba khí lực đã đuối sức rồi, bị kẻ cài lưới bắt đặng!” Phật thấy thế bèn nói bài kệ trên đó.

Số là loài cá lấy nước làm bằng nhà cửa lầu đài mà ở, nếu nước khô phải chết! cũng như loài người nương nơi sanh mạng mà sống, nếu mạng giảm thì phải vong! Thân mạng nó theo nơi sáng bóng của ngày đêm giờ phút mà giảm mòn qua, hình hài nó theo

tám điều khổ mà thiên chuyển, những con: vô thường, già, bệnh nó cho phép người hện! đấy tử như cá ở chỗ nước cạn nào có vui chi!

Phật hỏi: cái mạng của con người nó ở trong mấy giờ? Một thầy Tỳ kheo đáp: nó ở chỉ một ngày. Phật bảo: người chưa biết đạo! Lại hỏi: mạng người ở trong mấy giờ? lại một thầy khác đáp: ở trong một bữa ăn cơm. Phật quở: người chưa biết đạo! Lại hỏi: mạng người ở trong mấy giờ? Có một thầy Tỳ kheo khác thưa rằng: nó ở trong hơi hô hấp. Phật khen: người đã biết đạo.

Đó, chính là chỗ bảo: ngày giờ nó thúc đẩy con người mau già! Tử như nước đầm dần giảm ít! Sanh mạng ở trong hơi hô hấp, vì tám món khổ no thường áp bức làm tổn hại luôn, bài kệ trên gọi vậy chăng !?

Bài Kệ của Đức Phổ Hiền răn chúng:

Đại chúng! Phải siêng tinh tiến như chữa lửa dầu! chi nhớ vô thường, dè chớ buông lung!

Đây là gắng gỏi nơi thân tâm vậy.

Tinh: là chẳng xen lộn. **Tấn:** là chẳng sụt lui. **Nhiên** là lửa tốt. **Thận:** cẩn thận. **Vô thường:** không bền, Như: núi, sông, đất liền thì có cái vô thường bằng thành, trụ, hoại, không; nhân thân thì có cái vô thường bằng sanh, lão, bệnh tử; tâm, niệm thì có cái vô thường bằng vọng tưởng lưu chú; các pháp “sự vật” thì có cái vô thường sanh trú dị diệt! Thế nên người đối trong sự vận dụng hàng ngày, phải nhớ hai chữ vô thường như lửa cháy dầu, chỉ một hơi thở, mà chẳng lo cứu chữa, thì với điều thống khổ làm sao chịu nổi? Cái sanh mạng chính, ở trong con nguy hiểm này! Song, trong thân tâm đây, mỗi niệm chóng mau, với một phút há khá buông lung chơi được ư?

Buông lung trôi nổi: tức là cái tâm sở điệu cử: Lau chao, xao xuyên, tán loạn.

Kinh Pháp Hoa nói: Ba giới không an, dường như nhà lửa là cái nhà bị hoả hoạn. Lửa: tức lửa: vô minh, tham sân si, năm trước, tám khổ, và lửa bốn điên đảo. Các thứ lửa ấy cứ mỗi niệm sanh diệt mãi, đốt chết hết giống bồ đề, làm cho chúng sanh luống uổng vào nơi sáu ngã, vẫn chịu khổ luân hồi! Nếu người mà hay giác ngộ biết cái vô minh nó không có thực thể, mà đương thể của nó tức là lửa trí viên minh, tròn soi pháp giới; rõ biết năm trước là hoạn sanh, mỗi mỗi trần vật tức là thanh tịnh, hòa lẫn mười phương, ba độc: tham, sân si tức là giới, định, huệ vô ngại giải

thoát; bốn điền đảo tức là bốn đứ; thường, lạc, ngã, tịnh là bốn diệ quả niết bàn; thế thì tám khổ hoá làm đại niết bàn vậy.

Ba bài kệ quy y Tam bảo

Tự về nương Phật, cầu cho chúng sanh, noi rõ đạo cả, lấy tâm vô thượng.

Tự về nương Pháp, cầu cho chúng sanh, vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển

Tự về nương Tăng, cầu cho chúng sanh, gồm trị đại chúng, tất cả không ngại

Ba bài kệ trên đây; các câu đầu là quy y ngôi “nhất thể tam bảo” các na câu kế đó, là quy y ngôi “Biệt tướng Tam bảo” vậy v.v... như thời khoá tụng buổi moi đã giải thích rồi.

Hòa nam – Thánh chúng

Hòa nam dịch; Lễ bái. Là nói: Lạy tạ các vị Thánh chúng.

Hết thời khoá tụng chiều

Dịch xong, nhằm mùa kiết hạ an cư năm Mậu Tuất

Phật lịch 2502 - 1958

Chú giải: Ngài Quán Nguyệt

Dịch giả: HT Thích Khánh Anh